

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN
Số: 897/CBTT-ĐĐTМ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cẩm Phả, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin; Mã CK: VTM.

Trụ sở chính: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, Tổ 16, Khu Tây Sơn 2, Phường
Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0203.3862343

Fax: 0203.3864038

Website: tmcs.vn

Người thực hiện công bố thông tin: VŨ ĐỨC LONG

Địa chỉ: Thư ký HĐQT công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0902108866

Fax: 0203.3864038

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của
Công ty vào ngày 25/4/2024 tại đường dẫn w.w.w. tmcs.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ
thường niên năm 2024, Quyết định chia
cổ tức năm 2023 các tài liệu Đại hội.

Người được ủy quyền thực hiện
công bố thông tin



Vũ Đức Long



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

- Thời gian tổ chức ĐH : 07h30ph ngày 25 tháng 4 năm 2024 (thứ Năm)
- Địa điểm tổ chức ĐH : Tại Văn phòng Công ty: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

| TT | THỜI GIAN | NỘI DUNG | NGƯỜI THỰC HIỆN |
|----|---------------|--|---|
| 1 | 07h30'-08h00' | Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết | Ban kiểm tra tư cách cổ đông |
| 2 | 08h00'-08h05' | Ôn định chào cờ, giới thiệu đại biểu | Trưởng phòng TC-HC |
| 3 | 08h05'-08h15' | - Khai mạc Đại hội; - Bầu Chủ tọa ĐH, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu Đại hội; cử Thư ký Đại hội. | Ô. Phạm Đăng Phú, Chủ tịch HĐQT |
| 4 | 08h15'-08h20' | Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông | Trưởng ban |
| 5 | 08h20'-08h30' | Trình bày Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội | Trưởng phòng TC-HC |
| | | Biểu quyết thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội | Ô. Phạm Đăng Phú, Chủ tọa ĐH |
| 6 | 08h30'-08h50' | Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023- Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024. | Ô. Vũ Mạnh Dũng Giám đốc công ty |
| 7 | 08h50'-09h05' | - Báo cáo Tài chính tóm tắt đã được kiểm toán năm 2023; - Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2023. | Ô. Đỗ Thanh Tùng Kế toán trưởng |
| 8 | 09h05'-09h15' | Báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với doanh nghiệp và người có liên quan. | Ô. Nguyễn Ngọc Hưng TP Kế hoạch |
| 9 | 09h15'-09h35' | - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT; - Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao đối với HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2023-Đề xuất tiền lương, thù lao đối với HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2024; - Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Lương Văn Hiểu. | Ô. Lương Văn Hiểu Thành viên HĐQT chuyên trách |
| 10 | 09h35'-09h55' | - Báo cáo của BKS về thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty; - Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2023; Báo cáo hoạt động năm 2023 của BKS-Phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của BKS; - Tờ trình của BKS lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024. | Ô. Phạm Xuân Phong Trưởng ban Kiểm soát |



ly

| | | | |
|--|---------------|--|--|
| 11 | 09h55'-10h00' | Tờ trình đề nghị bầu bổ sung thành viên HĐQT | Ô. Vũ Đức Long Thư ký HĐQT |
| 12 | 10h00'-10h05' | Bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty | Ban Kiểm phiếu |
| 13 | 10h05'-10h15' | Nghỉ giải lao | |
| 14 | 10h15'-10h25' | Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT | Ban Kiểm phiếu |
| 15 | 10h25'-10h45' | Thảo luận các nội dung và trả lời kiến nghị của cổ đông | Các cổ đông, HĐQT, Ban KS |
| 16 | 10h45'-11h15' | <p>Biểu quyết các nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023- Kế hoạch SXKD năm 2024. 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán. 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023. 4. Thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với doanh nghiệp và người có liên quan. 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT. 6. Thông qua Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao đối với HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2023- Mức tiền lương, thù lao đối với HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2024. 7. Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Lương Văn Hiếu. 8. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2023. Báo cáo hoạt động năm 2023 của BKS-Phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của BKS; 9. Thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024; 10. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT. | <p>Biểu quyết thông qua các nội dung</p> <p>Ô. Phạm Đăng Phú, Chủ tọa ĐH</p> |
| 17 | 11h15'-11h30' | Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. | Thư ký Đại hội |
| | | Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. | Ô. Phạm Đăng Phú, Chủ tọa ĐH |
| 18 | 11h30' | Tuyên bố kết thúc Đại hội | -nt- |
| BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024 | | | |



ly

Số: 38 /BB-ĐHĐCĐ-2024

Cầm Phả, ngày 25 tháng 4 năm 2024

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin: Trụ sở chính tại Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Mã số doanh nghiệp: 5700477326 do phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Đăng ký lần đầu: ngày 22/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 7: ngày 04/01/2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin được khai mạc trọng thể vào hồi 07 h30ph ngày 25/4/2024 tại Phòng họp số 1, văn phòng Công ty: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Tham dự Đại hội có 5/5 cổ đông, đại diện cho 3.192.540 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 97,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Ông Phạm Đăng Phú, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty là người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam sở hữu 3.123.809 cổ phần chiếm tỷ lệ 95,24% số cổ phần của Công ty được Đại hội bầu là Chủ tọa đại hội. Đại hội bầu Ban kiểm tra tư cách cổ đông, bầu Ban kiểm phiếu Đại hội. Chủ tọa Đại hội đã cử ông Vũ Đức Long làm thư ký Đại hội.

Đại hội đã tiến hành theo trình tự sau:

I. Công tác tổ chức:


1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

Ông Đỗ Ngọc Sơn, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

- Tại thời điểm 08h00' ngày 26/4/2023 tổng số cổ đông tham dự Đại hội có 05 (năm) cổ đông, đại diện cho 3.192.540 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 97,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Sau khi kiểm tra 05 (năm) cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội theo quy định.

- Ông Phạm Đăng Phú, Chủ tọa Đại hội tuyên bố Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin hợp lệ và tổ chức điều hành Đại hội theo luật định.

2. Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc Đại hội

a) Ông Nguyễn Việt Hưng, trình bày: Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội. 

b) Đại hội tiến hành biểu quyết Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội. Tổng số phiếu đồng ý là: 05 phiếu (năm), đại diện cho 3.192.540 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

II. Phần trình bày các báo cáo tại Đại hội

1. Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023-Nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

2. Báo cáo Tài chính tóm tắt đã được kiểm toán năm 2023.

3. Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2023.

4. Báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.

5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023-Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT.

6. Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS), Người quản lý năm 2023-Đề xuất mức tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2024.

7. Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Lương Văn Hiếu.

8. Báo cáo của BKS thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 do công ty TNHH AFC Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

9. Báo cáo của BKS về kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2023. Báo cáo hoạt động năm 2023 của BKS-Phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của BKS.

10. Tờ trình của BKS về đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

11. Tờ trình đề nghị bầu bổ sung thành viên HĐQT.

III. Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết các nội dung sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023-Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024.

Sau khi nghe ông Vũ Mạnh Dũng-Thành viên HĐQT-Giám đốc Công ty trình bày báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023-Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1.1. Kết quả SXKD năm 2023

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2023 | Thực hiện năm 2023 | % |
|-----------|-------------------|----------------|----------------|--------------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| I | Sản lượng | | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 4.300.000 | 4.036.831 | 93,88 |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 30.000.000 | 33.516.475 | 111,72 |
| 3 | KM vận hành | Km | 11.000.000 | 11.629.884 | 105,72 |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 294.000 | 327.763 | 111,48 |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 272.000 | 301.193 | 110,73 |

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2023 | Thực hiện năm 2023 | % |
|-----|---------------|-----------------|---------|--------------------|--------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 20.000 | 24.155 | 120,77 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | 2.415 | 120,75 |
| III | Chi phí | " | 288.800 | 322.535 | 111,68 |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.200 | 5.228 | 100,54 |
| V | Lao động BQ | Người | 745 | 702 | 94,22 |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ ng.th | 9.389 | 10.632 | 113,23 |

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2024

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2024 | Ghi chú |
|------|----------------------|-------------|------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I | Sản lượng | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 3.830.000 | |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 33.000.000 | |
| 3 | KM vận hành | Km | 10.500.000 | |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 314.500 | |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 292.500 | |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 20.000 | |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | |
| III | Chi phí | " | 309.161 | |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.300 | |
| V | Lao động BQ | Người | 740 | |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ng.th | 10.988 | |
| VII | Trả cổ tức (dự kiến) | % VDL | ≥ 4 | |
| VIII | Đầu tư xây dựng | Tr.Đồng | 37.326 | |

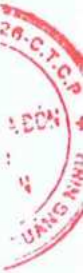
1.3. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2024:

- Lao động định mức: 740 người, trong đó:
 - + Người quản lý công ty: 05 người
 - + Người lao động: 735 người
- Lao động tuyển mới: 35 người.

1.4. Kế hoạch trả cổ tức năm 2024: Dự kiến ≥4%/ vốn Điều lệ

Căn cứ KHSXKD năm 2024:

- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 5,3 tỷ đồng



- Dự kiến lợi nhuận sau thuế: 4,217 tỷ đồng
- Dự kiến chi trả cổ tức: 1,312 tỷ đồng (Tương ứng 4% VDL);
- Dự kiến còn lại chi các quỹ: 2,905 tỷ đồng

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024, tùy theo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn trong sản xuất thì được quyền quyết định điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu SXKD nhằm đảm bảo hiệu quả, lợi ích của cổ đông và của Công ty.

- Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu chính trên.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 1 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 2: Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Sau khi nghe ông Đỗ Thanh Tùng-Kế toán trưởng Công ty trình bày Báo cáo Tài chính tóm tắt đã được kiểm toán năm 2023. Ông Phạm Xuân Phong-Trưởng ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 do công ty TNHH AFC Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty. Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu. *ly*



Nội dung 2 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 3: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023.

Sau khi nghe ông Đỗ Thanh Tùng-Kế toán trưởng Công ty trình bày Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

| | |
|---|---------------|
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.227.848.189 |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.121.982.111 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (3=1-2) | 4.105.866.078 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 | 838.812.771 |
| 5. Dự kiến phân phối lợi nhuận | 4.944.678.849 |

| TT | Nội dung | Giá trị (đồng) |
|----|---|----------------|
| a | Chia cổ tức (4% trên vốn điều lệ) | 1.311.918.800 |
| b | Trích quỹ Đầu tư phát triển (b=3 x 20%) | 821.173.216 |
| c | Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (c=5-a-b-d) | 2.664.691.833 |
| | Trong đó: | |
| | - Quỹ Khen thưởng (60%) | 1.598.815.100 |
| | - Quỹ Phúc lợi (40%) | 1.065.876.733 |
| d | Trích quỹ thưởng người QLDN (1 x Quỹ lương NQL tháng) | 146.895.000 |

- Hình thức thanh toán cổ tức: Đối với cổ đông phổ thông là người lao động trong Công ty, thanh toán bằng tiền mặt, với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ sau khi tổ chức xong Đại hội.

Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2023.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 3 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

ly

Nội dung 4. Thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.

Sau khi nghe ông Nguyễn Ngọc Hưng-Trưởng phòng KH trình bày báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan. Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và Người có liên quan.

- Số phiếu không có quyền biểu quyết: 01 phiếu đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam với số lượng cổ phần: 3.123.809 chiếm 97,84% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp không tham gia biểu quyết do là bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.

- Số phiếu có quyền biểu quyết: 04 phiếu đại diện cho 68.731 cổ phần chiếm 2,15 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

* Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 04 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu tán thành: 04/04 phiếu đại diện cho 68.731 cổ phần chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 4 được thông qua với tỷ lệ 100 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Sau khi nghe ông Lương Văn Hiếu-Thành viên HĐQT chuyên trách trình bày Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT. Nội dung chính:

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã quản lý điều hành Công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Công ty hoàn thành mọi nghĩa vụ với Nhà nước, bảo toàn phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cổ đông và quyền lợi của Công ty.

Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo của về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu. *ly*

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 5 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 6: Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2023-Đề xuất mức tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Người quản lý năm 2024.

Sau khi nghe ông Lương Văn Hiếu-Thành viên HĐQT chuyên trách trình bày Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2023- Đề xuất mức tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2024 như sau:

6. 1. Tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2023.

| TT | Họ và tên | Thành phần | Tiền lương, năm 2023 (đ) | Thù lao năm 2023 (đ) |
|----|-------------------|------------------------------------|--------------------------|----------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT (từ tháng 01-7/2023) | | 35.980.000 |
| 2 | Phạm Đăng Phú | Chủ tịch HĐQT (từ tháng 8-12/2023) | | 25.700.000 |
| 3 | Vũ Mạnh Dũng | Thành viên HĐQT/Giám đốc | 414.960.000 | 52.560.000 |
| 4 | Lương Văn Hiếu | Thành viên HĐQT chuyên trách | 367.920.000 | |
| 5 | Phạm Xuân Phong | Trưởng Ban kiểm soát | | 54.960.000 |
| 6 | Nguyễn Ngọc Thành | Thành viên Ban kiểm soát | | 47.304.000 |
| 7 | Trần Thị Thúy | Thành viên Ban kiểm soát | | 47.304.000 |
| 8 | Hoàng Minh Sơn | Phó Giám đốc | 367.920.000 | |
| 9 | Nguyễn Như Nga | Phó Giám đốc | 275.940.000 | |
| 10 | Đỗ Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 336.000.000 | |
| | Tổng cộng | | 1.762.740.000 | 263.808.000 |

6. 2. Đề xuất tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2024.

| TT | Chức danh | Số lượng (người) | Tiền lương năm 2024 (đ) | Thù lao năm 2024 (đ) | Ghi chú |
|------------------|-----------------|------------------|-------------------------|----------------------|--------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | | 61.680.000 | Kiểm nhiệm |
| 2 | Thành viên HĐQT | 01 | | 52.560.000 | Kiểm nhiệm |
| 3 | Thành viên HĐQT | 01 | 394.160.000 | | Chuyên trách |
| 4 | Trưởng BKS | 01 | | 54.960.000 | Kiểm nhiệm |
| 5 | Thành viên BKS | 02 | | 94.608.000 | Kiểm nhiệm |
| 6 | Giám đốc | 01 | 444.556.000 | | |
| 7 | Phó giám đốc | 02 | 788.320.000 | | |
| 8 | Kế toán trưởng | 01 | 359.964.000 | | |
| Tổng cộng | | | 1.987.000.000 | 263.808.000 | |

6. 3. Phương thức chi trả: Hằng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Người quản lý Công ty được thanh toán 80% mức tiền lương, thù thù lao trong tháng đó; số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2023-Mức tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý công ty năm 2024.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 6 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 7: Thông qua đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Lương Văn Hiếu. Nội dung chính như sau:

Lý do: Theo nguyện vọng cá nhân và theo quy định, ông Lương Văn Hiếu sinh ngày 06/10/1963, do vậy từ ngày 01/11/2024 ông Lương Văn Hiếu sẽ nghỉ chế độ.

Ngày 05/3/2024, Công ty nhận được đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Lương Văn Hiếu, thời hạn xin từ nhiệm kể từ ĐHCĐ thường niên năm 2024 của Công ty.

* Công ty đã công bố thông tin theo quy định.

Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận: *ly*



- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với ông Lương Văn Hiếu kể từ ngày 25/4/2024.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 7 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 8: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

Sau khi nghe ông Phạm Xuân Phong- Trưởng BKS trình bày Báo cáo hoạt động năm 2023 của BKS; Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2023; Phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của BKS. Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo Báo cáo hoạt động năm 2023 của BKS; Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2023; Phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của BKS.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 8 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 9: Thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Sau khi nghe ông Phạm Xuân Phong- Trưởng BKS trình bày Tờ trình đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024; Đại hội nhất trí thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2024:

1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

- Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

- Người đại diện: Ông Nguyễn Trung Thành - Giám đốc

- Điện thoại: 024 3837 3666

- Website: <https://pkf.afcvietnam.vn>

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

- Người đại diện: Ông Nguyễn Việt Long - Phó Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 024 868 9566

- Website: <https://kiemtoanava.com.vn>

3. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam

- Địa chỉ: 147 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- Người đại diện: Ông Lê Duy Trung - Phó Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 024 3795 5353

- Website: <https://www.rsm.global/vietnam>.

a) Phân thảo luận: Đại hội giao cho Công ty lựa chọn 01 Công ty kiểm toán độc lập (trong 03 Công ty trên) theo quy định của pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo quy định hiện hành.

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua việc chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2024. Đại hội giao cho Công ty lựa chọn 01 Công ty kiểm toán độc lập (trong 03 Công ty trên) theo quy định của pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo quy định hiện hành.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 9 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 10: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi nghe ông Đỗ Ngọc Sơn- Trưởng Ban kiểm phiếu trình bày Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026. Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phân thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không.

b) Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026; theo đó: Ông Hoàng Minh Sơn- Phó Giám đốc Công ty được bầu làm thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 kể từ ngày 25/4/2024.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu. *ly*



- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Nội dung 10 được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

IV. Thủ tục bế mạc Đại hội:

1. Ông Vũ Đức Long-Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

2. Ông Phạm Đăng Phú-Chủ tọa Đại hội đề nghị Đại hội thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 05 phiếu.

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu.

* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 05 phiếu đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không thành: 0 phiếu.

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu.

Như vậy Biên bản và Nghị quyết Đại hội được thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

3. Ông Phạm Đăng Phú- Chủ tọa Đại hội thực hiện các thủ tục tuyên bố bế mạc Đại hội

Đại hội kết thúc vào hồi 11 h 30ph cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Vũ Đức Long

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



**Phạm Đăng Phú
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY**

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN (Báo cáo);
- Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam (Báo cáo);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS, BGD, KTTT;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

Cẩm Phả, ngày 25 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sửa đổi bổ sung thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Biên bản số: 38/BB-ĐHĐCĐ-2024 ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023-Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023-Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024 của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin với các chỉ tiêu chính sau:

1. Kết quả SXKD năm 2023:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2023 | Thực hiện năm 2023 | % |
|------------|----------------------|-------------------------|----------------|--------------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| I | Sản lượng | | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 4.300.000 | 4.036.831 | 93,88 |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 30.000.000 | 33.516.475 | 111,72 |
| 3 | KM vận hành | Km | 11.000.000 | 11.629.884 | 105,72 |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 294.000 | 327.763 | 111,48 |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 272.000 | 301.193 | 110,73 |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 20.000 | 24.155 | 120,77 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | 2.415 | 120,75 |
| III | Chi phí | " | 288.800 | 322.535 | 111,68 |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.200 | 5.228 | 100,54 |
| V | Lao động BQ | Người | 745 | 702 | 94,22 |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ ng.th | 9.389 | 10.632 | 113,23 |

2. Kế hoạch SXKD năm 2024:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2024 | Ghi chú |
|-------------|-----------------------------|--------------------|----------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I | Sản lượng | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 3.830.000 | |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 33.000.000 | |
| 3 | KM vận hành | Km | 10.500.000 | |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 314.500 | |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 292.500 | |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 20.000 | |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | |
| III | Chi phí | " | 309.161 | |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.300 | |
| V | Lao động BQ | Người | 740 | |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ng.th | 10.988 | |
| VII | Trả cổ tức (dự kiến) | % VDL | ≥ 4 | |
| VIII | Đầu tư xây dựng | Tr.Đồng | 37.326 | |

3. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2024:

- Lao động định mức: 740 người, trong đó:
 - + Người quản lý công ty: 05 người
 - + Người lao động: 735 người
- Lao động tuyển mới: 35 người.

4. Kế hoạch trả cổ tức năm 2024: Dự kiến $\geq 4\%$ / vốn Điều lệ

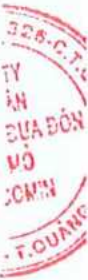
Căn cứ KHSXKD năm 2024:

- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 5,3 tỷ đồng
- Dự kiến lợi nhuận sau thuế: 4,217 tỷ đồng
- Dự kiến chi trả cổ tức: 1,312 tỷ đồng (Tương ứng 4% VDL);
- Dự kiến còn lại chi các quỹ: 2,905 tỷ đồng

Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024, tùy theo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn trong sản xuất thì được quyền quyết định điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu SXKD nhằm đảm bảo hiệu quả, lợi ích của cổ đông và của Công ty.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Căn cứ báo cáo Tài chính tóm tắt đã được kiểm toán năm 2023; Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 do công ty TNHH AFC Việt



Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Điều 3: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2023 như sau:

DVT: VNĐ

| | |
|---|----------------------|
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.227.848.189 |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.121.982.111 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (3=1-2) | 4.105.866.078 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 | 838.812.771 |
| 5. Dự kiến phân phối lợi nhuận | 4.944.678.849 |

| TT | Nội dung | Giá trị (đồng) |
|----|---|----------------|
| a | Chia cổ tức (4% trên vốn điều lệ) | 1.311.918.800 |
| b | Trích quỹ Đầu tư phát triển ($b=3 \times 20\%$) | 821.173.216 |
| c | Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi ($c=5-a-b-d$) | 2.664.691.833 |
| | Trong đó: | |
| | - Quỹ Khen thưởng (60%) | 1.598.815.100 |
| | - Quỹ Phúc lợi (40%) | 1.065.876.733 |
| d | Trích quỹ thưởng người QLDN (1 x Quỹ lương NQL tháng) | 146.895.000 |

- Hình thức thanh toán cổ tức: Đối với cổ đông phổ thông là người lao động trong Công ty, thanh toán bằng tiền mặt, với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ sau khi tổ chức xong Đại hội.

Điều 4: Thông qua Báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan


Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.

Điều 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT.

Điều 6: Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2023-Đề xuất mức tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2024.

1. Thông qua tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua chi trả tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2023 như sau: 

| TT | Họ và tên | Thành phần | Tiền lương, năm 2023 (đ) | Thù lao năm 2023 (đ) |
|----|-------------------|---------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT (từ tháng 01-7/2023) | | 35.980.000 |
| 2 | Phạm Đăng Phú | Chủ tịch HĐQT (từ tháng 8-12/2023) | | 25.700.000 |
| 3 | Vũ Mạnh Dũng | Thành viên HĐQT/Giám đốc | 414.960.000 | 52.560.000 |
| 4 | Lương Văn Hiếu | Thành viên HĐQT chuyên trách | 367.920.000 | |
| 5 | Phạm Xuân Phong | Trưởng Ban kiểm soát | | 54.960.000 |
| 6 | Nguyễn Ngọc Thành | Thành viên Ban kiểm soát | | 47.304.000 |
| 7 | Trần Thị Thúy | Thành viên Ban kiểm soát | | 47.304.000 |
| 8 | Hoàng Minh Sơn | Phó Giám đốc | 367.920.000 | |
| 9 | Nguyễn Như Nga | Phó Giám đốc | 275.940.000 | |
| 10 | Đỗ Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 336.000.000 | |
| | Tổng cộng | | 1.762.740.000 | 263.808.000 |

2. Quyết nghị mức tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2024.

| TT | Chức danh | Số lượng (người) | Tiền lương năm 2024 (đ) | Thù lao năm 2024 (đ) | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------|----------------------------|-------------------------|--------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | | 61.680.000 | Kiểm nhiệm |
| 2 | Thành viên HĐQT | 01 | | 52.560.000 | Kiểm nhiệm |
| 3 | Thành viên HĐQT | 01 | 394.160.000 | | Chuyên trách |
| 4 | Trưởng BKS | 01 | | 54.960.000 | Kiểm nhiệm |
| 5 | Thành viên BKS | 02 | | 94.608.000 | Kiểm nhiệm |
| 6 | Giám đốc | 01 | 444.556.000 | | |
| 7 | Phó giám đốc | 02 | 788.320.000 | | |
| 8 | Kế toán trưởng | 01 | 359.964.000 | | |
| | Tổng cộng | | 1.987.000.000 | 263.808.000 | |

3. Phương thức chi trả: Hằng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Người quản lý Công ty được thanh toán 80% mức tiền lương, thù lao trong tháng đó; số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Điều 7: Thông qua đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Lương Văn Hiếu

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với ông Lương Văn Hiếu kể từ ngày 25/4/2024.

Điều 8: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát năm 2023. Báo cáo hoạt động năm 2023 của BKS-Phuong hướng nhiệm vụ năm 2024 của BKS.

Điều 9: Thông qua việc lựa chọn danh sách công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

- Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

- Người đại diện: Ông Nguyễn Trung Thành - Giám đốc

- Điện thoại: 024 3837 3666

- Website: <https://pkf.afcvietnam.vn>

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

- Người đại diện: Ông Nguyễn Việt Long - Phó Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 024 868 9566

- Website: <https://kiemtoanava.com.vn>

3. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam

- Địa chỉ: 147 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh


- Người đại diện: Ông Lê Duy Trung - Phó Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 024 3795 5353

- Website: <https://www.rsm.global/vietnam>

Đại hội giao cho Công ty lựa chọn 01 Công ty kiểm toán độc lập (trong 03 Công ty trên) theo quy định của pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo quy định hiện hành.

Điều 10: Thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT


Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công ty. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2021-2026 như sau: 

17328
CÔNG TY
PHÂN
VÀ ĐUA
THỢ MỎ
VINACOM
Hà - T.

- Ông Hoàng Minh Sơn - Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin, được bầu là thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 kể từ ngày 25/4/2024.

Điều 11: Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã được tiến hành công khai, minh bạch, hợp pháp và công bằng. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin năm 2024 thông qua. Tất cả các cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc, viên chức quản lý Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nghị quyết này gồm 06 trang, được lập lúc 11h 30 ngày 25/4//2024. 

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN (Báo cáo);
- Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam (Báo cáo);
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS, BGĐ,KTTr;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



**Phạm Đăng Phú
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY**



Cầm Phả, ngày 25 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chia cổ tức năm 2024

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sửa đổi bổ sung thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số: 39/NQ-ĐHĐCĐ-2024 ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chia cổ tức năm 2023 là 4,0% trên vốn Điều lệ của Công ty với số tiền: 1.311.918.800 đồng (Một tỷ, ba trăm mười một triệu, chín trăm mười tám nghìn, tám trăm đồng).

Điều 2. Hình thức thanh toán cổ tức: Đối với cổ đông phổ thông là người lao động trong Công ty, thanh toán bằng tiền mặt, với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ sau khi tổ chức xong Đại hội.

- Thời gian thực hiện: Sau Đại hội.

Điều 3. Tất cả các cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, ban Giám đốc, viên chức quản lý Công ty căn cứ Quyết định thi hành././

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, KTTTr;
- Các Phòng liên quan;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Phú

Cẩm Phả, ngày 25 tháng 4 năm 2024

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ-VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sửa đổi bổ sung thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Ban chỉ đạo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin ban hành Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau.

I. MỤC TIÊU ĐẠI HỘI

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, công bằng.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đúng quy định và đạt kết quả tốt.

II. TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phải có đủ các điều kiện sau:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ-Vinacomin theo danh sách chốt đến ngày 14/3/2024 do Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội xuất trình cho Ban tổ chức Đại hội các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ Hộ chiếu (có hiệu lực);
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự Đại hội được phát 01 bộ tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết màu xanh, 01 Phiếu biểu quyết màu hồng, 01 Phiếu màu trắng. Trong đó:

- Thẻ biểu quyết màu xanh, bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền).



- Phiếu biểu quyết màu hồng, bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; Tổng số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền); nội dung cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

- Phiếu màu trắng để bầu bổ sung thành viên HĐQT, bao gồm các nội dung: Cổ đông (đại diện cổ đông) Mã số cổ đông; Tổng số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Số phiếu biểu quyết bầu bổ sung HĐQT.

- Cổ đông kiểm tra tài liệu Đại hội, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, nếu có vướng mắc kịp thời có ý kiến với Ban tổ chức Đại hội để được giải quyết.

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

d) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

e) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

III. AN NINH, TRẬT TỰ, PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH TẠI ĐẠI HỘI

1. Cổ đông tham dự Đại hội phải thực hiện đúng các nội quy qui định của Công ty và của Ban tổ chức Đại hội. Khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.

2. Không mang và sử dụng các vật nguy hiểm, chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy, không hút thuốc trong phòng Đại hội.

3. Trang phục dự Đại hội: Trang trọng, lịch sự, không đi dép lê, đội mũ vào dự Đại hội.

4. Trong thời gian tiến hành Đại hội: Các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự; không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động.

5. Các cá nhân tham dự Đại hội phải tuân thủ các yêu cầu của ngành Y tế, cơ quan quản lý địa phương và các qui định của Công ty về phòng chống dịch.

IV. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tiến hành Đại hội: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày 14/3/2024 do Tổng công ty Lưu ký và Bù chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty.

2. Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội:

a) Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả các cổ đông theo số cổ phần sở hữu và đại diện. ✓



b) Cách thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết thông qua một vấn đề (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) bằng cách giơ thẻ biểu quyết (*màu xanh*), thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, đồng thời tích vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết (*màu hồng*).

3. Một số vấn đề khác cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết (*màu xanh*) theo hướng dẫn của Chủ tọa để biểu quyết (*tán thành, không tán thành, hoặc không có ý kiến*), cụ thể:

a) Bầu Chủ tọa Đại hội, Ban Kiểm phiếu Đại hội; thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội;

b) Các nội dung khác theo diễn biến thực tế, cổ đông tuân theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

4. Bầu bổ sung thành viên HĐQT: Cổ đông bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu Đại hội.

V. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải đăng ký phát biểu với Ban tổ chức Đại hội và phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội trước khi phát biểu.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban tổ chức Đại hội.

VI. CHỦ TỌA ĐẠI HỘI VÀ CÁC BỘ PHẬN GIÚP VIỆC ĐẠI HỘI

1. Chủ tọa Đại hội: Chủ tọa Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty; Chủ tọa là người chủ trì Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c) Trình những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình Đại hội.

3. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội: Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm ngày 14/3/2024 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty; phát tài liệu đại hội và thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết; báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành. ✓



4. Ban kiểm phiếu Đại hội: Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông do Đại hội bầu. Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết của các cổ đông, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu các nội dung biểu quyết trong chương trình nghị sự tại Đại hội. Tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản kiểm phiếu. Đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội. Ban kiểm phiếu bàn giao lại toàn bộ các Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và Biên bản kiểm phiếu cho Thư ký Đại hội.

5. Thư ký Đại hội: Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội đề cử. Thư ký ĐH thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu kiến nghị của cổ đông, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết của cổ đông và Biên bản kiểm phiếu.

6. Tổ giúp việc Đại hội:

a) Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các nội dung thông qua tại Đại hội.

b) Báo cáo kịp thời kết quả biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

c) Giúp việc Thư ký Đại hội, thực hiện các công việc khác theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

VII. BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu liên quan được Thư ký HĐQT lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty biểu quyết thông qua. Là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức Đại hội. Các cổ đông, các tổ chức, cá nhân có liên quan tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón khách Vinacominn có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. /.

TM. BAN CHỈ ĐẠO ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Đăng Phú



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội Cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thị trường Vinacomin

Hôm nay, vào hồi 07 giờ 30ph, ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thị trường Vinacomin, Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

- | | | |
|--------------------------|--------------------|------------|
| 1. Ông Đỗ Ngọc Sơn | TP. AT- BV | Trưởng ban |
| 2. Ông Đỗ Ngọc Khánh | Phó TP. TC- HC | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Nhung | Nhân viên P. KTTK | Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hải Yến | Nhân viên P. TC-HC | Thành viên |

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu cổ đông tới dự đại hội với kết quả cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông có quyền tham dự đại hội theo danh sách của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam ngày 14/3/2024 là 693 cổ đông, đại diện cho 3.279.797 cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tham dự Đại hội có 5/5 cổ đông, đại diện cho 3.192.540 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 97,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, trong đó:

- Ông Phạm Đăng Phú - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty - Đại diện cho cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với số cổ phiếu sở hữu 3.123.809, tương ứng tỷ lệ 97,85 % số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;
- Ông Vũ Mạnh Dũng - Giám đốc Công ty- Đại diện ủy quyền của 67 cổ đông với số cổ phiếu sở hữu 13.162, tương ứng với tỷ lệ 0,41 % số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;
- Ông Trần Khánh Nga - Phó Bí thư Đảng ủy công ty - Đại diện 84 cổ đông với số cổ phiếu sở hữu 23.104 tương ứng với tỷ lệ 0,72 % số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;
- Ông Hoàng Minh Sơn - Phó Giám đốc Công ty - Đại diện ủy quyền của 138 cổ đông với số cổ phiếu sở hữu 27.201, tương ứng tỷ lệ 0,85% số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.
- Ông Nguyễn Việt Hưng - Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty- Đại diện cho 26 cổ đông với số cổ phiếu sở hữu 5.264 tương ứng với tỷ lệ 0,17 % số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;



Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021;

Đại hội Cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin với thành phần dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 08h00 ngày 25 tháng 4 năm 2024 và được báo cáo công khai trước Đại hội.

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN



Đỗ Ngọc Sơn



Số: 798/BC-ĐĐTMM

Cám Phả, ngày 16 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ – Vinacomin

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ – Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2021;

Thực hiện Điều 15 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty v/v thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Công ty xin được báo cáo trước ĐHĐCĐ tóm tắt các số liệu chủ yếu của BCTC năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành kiểm toán tại Báo cáo số 059/2024/BCKT-HT.00183 ngày 20/3/2024.

Theo đó Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

I. Bảng cân đối kế toán (tóm tắt)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | TÀI SẢN | Mã số | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|-----------|-------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| I | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 44.324.206.217 | 37.955.475.275 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3.717.326.247 | 1.636.338.371 |
| 2 | Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 0 | 0 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 29.623.336.094 | 24.811.085.872 |
| 4 | Hàng tồn kho | 140 | 5.414.278.814 | 7.591.034.590 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 5.569.265.062 | 3.917.016.442 |
| II | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 200.625.023.396 | 174.317.308.171 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 0 | 0 |
| 2 | Tài sản cố định | 220 | 183.872.398.659 | 155.907.375.791 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 230 | 6.183.436.963 | 6.587.253.871 |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 568.805.601 | 568.805.601 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 260 | 10.000.382.173 | 11.253.872.908 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 244.949.229.613 | 212.272.783.446 |

h

| TT | TÀI SẢN | Mã số | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|------------|-------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| III | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 204.266.301.465 | 172.426.572.776 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 310 | 86.661.341.465 | 72.345.772.776 |
| 2 | Nợ dài hạn | 330 | 117.604.960.000 | 100.080.800.000 |
| IV | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 40.682.928.148 | 39.846.210.670 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 410 | 40.682.928.148 | 39.846.210.670 |
| | - Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| | - Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 472.691.257 | 472.691.257 |
| | - Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 2.467.588.042 | 2.467.588.042 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 4.944.678.849 | 4.107.961.371 |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 0 | 0 |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 244.949.229.613 | 212.272.783.446 |


II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-----------------|-----------------|
| 1- Doanh thu bán hàng và CC DV | 01 | 326.314.319.081 | 334.970.569.701 |
| 2- Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 0 | 0 |
| 3- Doanh thu thuần (10 = 01-02) | 10 | 326.314.319.081 | 334.970.569.701 |
| 4- Giá vốn hàng bán | 11 | 269.899.621.152 | 281.901.474.944 |
| 5- Lợi nhuận gộp (20=10-11) | 20 | 56.414.697.929 | 53.069.094.757 |
| 6- Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 11.043.415 | 8.816.302 |
| 7- Chi phí tài chính | 22 | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| 8- Chi phí bán hàng | 25 | 0 | 0 |
| 9- Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 39.520.344.942 | 38.598.709.415 |
| 10- LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-25-26) | 30 | 3.800.506.618 | 3.295.677.366 |
| 11- Thu nhập khác | 31 | 1.437.956.452 | 1.914.504.946 |
| 12- Chi phí khác | 32 | 10.614.881 | 13.479 |
| 13- Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 1.427.341.571 | 1.914.491.467 |
| 14- Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | 5.227.848.189 | 5.210.168.833 |
| 15- Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 1.121.982.111 | 1.102.207.462 |
| 16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 0 | 0 |
| 17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | 4.105.866.078 | 4.107.961.371 |
| 18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | 1.252 | 656 |

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kỳ báo cáo | Kỳ trước |
|-----|---|-----|------------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 81,90 | 82,12 |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 18,10 | 17,88 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 83,39 | 81,23 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 16,61 | 18,77 |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 1,80 | 2,08 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE) | % | 11,49 | 11,49 |
| 5 | Khả năng thanh toán nợ đến hạn | Lần | 0,51 | 0,52 |
| 6 | Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH | Lần | 5,02 | 4,33 |

Xin trân trọng cảm ơn. / 

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Dũng

Số: 35/TTr-ĐDTM

Cẩm Phả, ngày 17 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Các quý vị cổ đông

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước về việc phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2065/TKV-KS ngày 15/4/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh, lợi ích của cổ đông, người lao động trong Công ty;

Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2023 như sau:

| | |
|---|---------------|
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.227.848.189 |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.121.982.111 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (3=1-2) | 4.105.866.078 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 | 838.812.771 |
| 5. Dự kiến phân phối lợi nhuận | 4.944.678.849 |

| TT | Nội dung | Giá trị (đồng) |
|----|---|----------------|
| a | Chia cổ tức (4% trên vốn điều lệ) | 1.311.918.800 |
| b | Trích quỹ Đầu tư phát triển (b=3 x 20%) | 821.173.216 |
| c | Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (c=5-a-b-d) | 2.664.691.833 |
| | Trong đó: | |
| | - Quỹ Khen thưởng (60%) | 1.598.815.100 |
| | - Quỹ Phúc lợi (40%) | 1.065.876.733 |
| d | Trích quỹ thưởng người QLDN (1 x Quỹ lương NQL tháng) | 146.895.000 |

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua. /

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



Phạm Đăng Phú

Cám Phá, ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023 NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

(Báo cáo của Ban Giám đốc trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023.

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2023 mặc dù bị ảnh hưởng do những khó khăn của kinh tế thế giới và trong nước, tuy nhiên SXKD của Tập đoàn vẫn ổn định, các chỉ tiêu chính đều vượt mức so với kế hoạch, đảm bảo đủ việc làm, cải thiện thu nhập cho người lao động.

Đối với Công ty, còn gặp một số khó khăn như: Còn có một số mỏ thuê ngoài vận chuyển công nhân với giá trị khoảng 37 tỷ đồng. Dịch vụ chở khách thăm quan du lịch giảm nhiều. Quý II, quý III thời tiết nắng nóng, mưa lớn kéo dài ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ; xe chở công nhân thường xuyên phải đi đường vòng tránh làm phát sinh chi phí vận hành. Giá vật tư đầu vào tăng cao làm tăng chi phí sản xuất.

Ban lãnh đạo Công ty có sự thay đổi, bổ nhiệm mới Giám đốc, Phó Giám đốc và Chủ tịch HĐQT. Tuy nhiên, ngay từ đầu năm tập thể Ban lãnh đạo Công ty đã có các giải pháp đồng bộ, linh hoạt và quyết liệt. Chủ động quan hệ tìm kiếm thêm việc làm để tăng doanh thu vận chuyển công nhân và sửa chữa xe cho khách hàng. Tăng cường các biện pháp quản trị chi phí; quản trị tốt nội bộ, chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của Tập đoàn.

Do vậy, năm 2023 Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch PHKD với Tập đoàn và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, đảm bảo lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động, với kết quả cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 327 tỷ 763 triệu đồng, bằng 111,5 % so với KH năm và bằng 97,2 % so với năm 2022; trong đó doanh thu sửa chữa xe cho khách hàng là 24 tỷ 155 triệu đồng, đạt 120,8 % so với KH năm và bằng 82,9 % so với năm 2022.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 5 tỷ 228 triệu đồng, đạt 100,5 % so với KH năm và bằng 100,3 % so với năm 2022;

- Lao động bình quân 702 người; tiền lương bình quân của người lao động đạt 10.632.000 đồng/ người/tháng, đạt 113,2 % so với KH năm và bằng 103,2 % so với năm 2022. *✓*

(Phụ lục 01 kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

1. Công tác Điều hành sản xuất: Duy trì tốt và tiếp tục nâng cao chất lượng thiết bị, chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân các mỏ. Hàng ngày huy động từ 210- 220 xe, bố trí trên 500 chuyến, thực hiện 36.000 Km vận hành, đưa đón trên 22.000 lượt CBCN các đơn vị trong TKV vùng Quảng Ninh đi và về trên các khai trường mỏ đảm bảo an toàn, đúng quy định. Xây dựng, triển khai các phương án điều hành đáp ứng yêu cầu sản xuất của các khách hàng. Tổ chức đưa đón công nhân các mỏ về quê nghỉ tết Nguyên đán, tham quan du lịch, nghỉ dưỡng sức. Mở thêm các tuyến mới, các tuyến kéo dài theo yêu cầu của khách hàng, đặc biệt từ ca 1 ngày 02/10/2023 triển khai thành công phương án đưa đón công nhân tuyến Miền Đông của công ty Than Mông Dương bằng xe giường nằm đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ công nhân mỏ, đổi mới phương thức phục vụ, được dư luận quan tâm đồng tình ủng hộ và được khách hàng ghi nhận, đánh giá nhận xét tốt.

2. Công tác AT-Bảo vệ-Thanh tra, pháp chế:

Công tác AT:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt công tác kiểm tra kỹ thuật, an toàn trong Công ty, tăng cường kiểm tra công tác vận hành, kiểm tra đường, bến xe công nhân, Chú trọng việc thực hiện kiểm tra kỹ thuật xe đầu tầm, giữa tầm, cuối tầm, công tác nhật lệnh và triển khai các biện pháp an toàn của cán bộ quản lý ở các đơn vị.

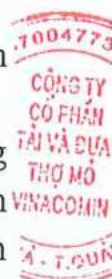
- Thường xuyên kiểm tra nồng độ cồn trong khí thở của người lao động; kiểm tra việc chấp hành các quy định, nội quy lao động, quy định vận hành của Công ty.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch Tháng hành động về AT VSLĐ và Tháng CN năm 2023; tháng thi đua cao điểm đảm bảo ATVSLĐ. Phối hợp tổ chức huấn luyện nghiệp vụ vận tải cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe. Tổ chức thành công hội thi ATVSV giỏi cấp công ty năm 2023 với 8 đội thi và 24 ATVSV tham gia, kết quả có 11 ATVSV đạt loại giỏi và 09 ATVSV đạt xuất sắc. Thực hiện kế hoạch ATVSLĐ đạt 3 tỷ 309 triệu đồng = 118,17% kế hoạch năm. Thực hiện 31/31 phần việc = 100% kế hoạch năm.

Công tác Bảo vệ:

- Triển khai phương án bảo vệ sản xuất, an ninh trật tự năm 2023 và phương án bảo vệ các ngày lễ tết, các sự kiện chính trị-xã hội trên địa bàn công ty quản lý. Triển khai quy chế phối hợp với các đơn vị, gồm: Công an trên địa bàn TP Uông Bí, Hạ Long, Cẩm Phả; 01 cụm Đơn vị an toàn-Địa phương an toàn phường Cẩm Đông.

- Phối hợp với bảo vệ các mỏ kiểm tra ngăn ngừa các hiện tượng chở than sắt... của mỏ trên xe chở công nhân. Triển khai đầy đủ kịp thời các yêu cầu, chỉ thị của cấp trên, của Ban CHQS thành phố Cẩm Phả và bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh và Ban Bảo vệ Tập đoàn. Tổ chức 70 cán bộ chiến sĩ tự vệ tham gia huấn luyện chiến đấu năm 2023, kết quả Công ty đạt loại khá. Cử 15 người phối hợp luyện tập, diễn tập phương án chữa cháy do công an Tỉnh tổ chức tại Bãi Cháy. Xây dựng, triển khai đầy đủ các phương án PCCN. Mua sắm trang bị phương tiện PCCC với giá trị 62 triệu 750 nghìn đồng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về PCCC. *gn*



Công tác thanh tra, giải quyết đơn thư và phòng chống tham nhũng:

Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng theo đúng qui định và thông báo kết luận cho các đơn vị đã kiểm tra. Duy trì chế độ thường trực công dân và giải quyết đơn thư theo quy định.

3. Công tác Kế hoạch, khoán quản trị chi phí - ĐTXD:

- Xây dựng và giao các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, Khoán - Quản trị chi phí cho các đơn vị. Nghiệm thu kế hoạch PHKD với Tập đoàn, báo cáo Tập đoàn về những khó khăn trong thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2023.

- Đề nghị Tập đoàn điều chỉnh tăng đơn giá vận chuyển công nhân để bù đắp chi phí. Xây dựng và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các biện pháp quản lý, quản trị và tiết giảm chi phí. Tổ chức thực hiện các hợp đồng vận chuyển công nhân, sửa chữa xe cho khách hàng, hợp đồng mua bán và các hợp đồng khác phục vụ SXKD theo đúng quy định. Thường xuyên liên hệ với các đơn vị khách hàng về điều chỉnh đơn giá vận chuyển công nhân khi giá nhiên liệu thay đổi (+5%) và theo hướng dẫn của Tập đoàn.

- Chủ động quan hệ tìm kiếm thêm việc làm để tăng doanh thu, cải thiện thu nhập cho người lao động. Tham gia các gói thầu vận chuyển công nhân năm 2023. nỗ lực quan hệ, làm việc với các công ty Than Vàng Danh, Than Hà Lâm, Than Khe Chàm, Than Hòn Gai để từ năm 2024 đảm nhận thêm phần vận chuyển công nhân hiện các mỏ đang thuê các đơn vị ngoài thực hiện, với doanh thu dự kiến tăng thêm khoảng 20,2 tỷ/năm. Sửa chữa cải tạo các công trình vật thể kiến trúc đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất.

Sửa đổi, bổ sung, ban hành các qui định, các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác Khoán - Quản trị chi phí. Kiểm tra, theo dõi đầy đủ các số liệu đối chiếu sản lượng, doanh thu, chi phí tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu và chỉ tiêu tiết kiệm trong nghiệm thu giao khoán. Tổng hợp phân tích số lượng, chủng loại, giá trị vật tư, nhiên liệu, vật liệu và các yếu tố ảnh hưởng tới chi phí sản xuất. Đề ra các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí. Tổ chức rà soát, duyệt chi phí, xét thưởng các đơn vị tiết kiệm chi phí, giảm trừ các đơn vị sử dụng vượt quá chỉ tiêu giao khoán theo quy định, cả năm công ty tiết kiệm chi phí 10 tỷ đồng.

- Thực hiện kế hoạch Đầu tư - Xây dựng năm 2023:

Dự án chuyển tiếp:

+ Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022: Đã hoàn thành; giá trị thực hiện: 1.806 trđ,

Dự án khởi công mới:

+ Dự án Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2023:

Tổng mức đầu tư: 58.894 trđ; giá trị thực hiện: 56.785 trđ; đưa vào sử dụng tháng 12/2023; Đang phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

+ Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023: Tổng mức đầu tư 1.984 trđ; giá trị thực hiện: 1.231 trđ bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12/2023; Đang phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. *Th*

** Nhận xét chung:*

Trong năm 2023, Công ty thực hiện các dự án đầu tư được ghi trong KHĐT năm 2023 đảm bảo chất lượng, tiến độ đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

Trong quá trình thực hiện dự án như: Lập dự án, Quản lý dự án, lập, phê duyệt HSMT, đăng tải, mở thầu, xét thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu, ký kết thực hiện hợp đồng vv... được công ty thực hiện đúng theo pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn và của Nhà nước.

(Phụ lục 02 kèm theo)

4. Công tác Kỹ thuật - Vật tư:

Công tác Kỹ thuật:

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa xe và thiết bị đảm bảo chất lượng kỹ thuật, tiến độ, đáp ứng kịp thời cho sản xuất. Duy trì tốt công tác kiểm tra chuyên đề quản lý (phanh lái, nội thất, sấm lốp, quản lý vận hành thiết bị cơ điện khí...)

- Thực hiện nề nếp chế độ kiểm tra vận hành thiết bị điện, thiết bị nâng tải, thiết bị áp lực và hệ thống tiếp địa phòng chống sét, thử nghiệm định kỳ thiết bị có quy định nghiêm ngặt về an toàn. Thực hiện tốt yêu cầu nội dung kiểm tra của Tập đoàn và của cấp trên về chuyên đề Kỹ thuật - An toàn cho xe đưa đón công nhân.

- Lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống Camera giám sát an ninh tại các phân xưởng và nâng cấp hệ thống tại văn phòng công ty. Quản lý tốt hệ thống giám sát hành trình lắp đặt trên các xe ô tô. Tăng cường kiểm tra công tác bảo dưỡng, sửa chữa điều hòa, nóc xe để đảm bảo chất lượng xe chở công nhân nhất là trong những ngày nắng nóng, mưa bão. Hoàn thiện các thủ tục, sớm đưa 20 xe chở công nhân mới đầu tư vào sản xuất. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường, thu gom rác thải, chất độc hại, xử lý nước thải, trồng cây xanh, tưới nước dập bụi, tổ chức thu dọn vệ sinh tại các đơn vị.

Công tác Vật tư:

Tổ chức mua sắm, quản lý và cấp phát sử dụng vật tư bảo đảm đúng quy định của Tập đoàn và của Công ty. Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm nghiệm chất lượng hàng hoá vật tư nhập, xuất và thu cũ phát mới. Quản lý tốt kho tàng, đảm bảo tốt công tác môi trường và PCCN. Cung ứng đủ vật tư phục vụ sản xuất, đảm bảo hàng tồn kho đúng quy định. Kịp thời kiểm tra đối chiếu cấp phát nhiên liệu khi có biến động về giá.

5. Công tác Kế toán-Thống kê -Tài chính:

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, chứng từ kế toán, hạch toán kế toán, lập các báo cáo theo đúng quy định, chế độ hiện hành.

- Tập hợp số liệu lập báo cáo tài chính năm 2023. Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, các khoản nộp ngân sách Nhà nước, các khoản công nợ phải thu, phải trả theo quy định của pháp luật. Tích cực đối chiếu và thu hồi công nợ, chủ động nguồn vốn đáp ứng yêu cầu SXKD, giải ngân các dự án đầu tư, chi trả lương cho người lao động và thanh toán các khoản công nợ phải trả. Lập kế hoạch và tổ chức

kiểm kê tài sản, công nợ thời điểm 0h ngày 01/01/2024. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo đúng quy định, hàng tháng kịp thời cung cấp số liệu phục vụ cho công tác chỉ đạo, quản lý điều hành, và duyệt khoán chi phí của công ty.

6. Công tác Tổ chức - Lao động - Tiền lương:

Kiên toàn, duy trì ổn định công tác tổ chức cán bộ tại các đơn vị trong Công ty. Xây dựng Quy chế quản lý cán bộ. Hoàn thiện bổ nhiệm lại 12 cán bộ trong đó cấp trưởng 04, cấp phó 08. Thực hiện bổ nhiệm mới 02 lãnh đạo Công ty, 02 cán bộ cấp trưởng, 04 cán bộ cấp phó. Điều chuyển 09 cán bộ. Tổ chức thành công Hội nghị người lao động cấp Công ty. Hoàn thiện hồ sơ bổ sung quy hoạch cán bộ cấp TKV quản lý giai đoạn 2020-2025 và giai đoạn 2025-2030 theo chỉ đạo của TKV.

Cân đối lao động các đơn vị theo yêu cầu sản xuất. Xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm của người lao động: khiển trách 01 công nhân (vi phạm chở sắt thép trên xe công nhân); xử lý bồi thường vật chất 04 trường hợp, xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương 02 công nhân. Chấm dứt HĐLĐ 32 công nhân. Nghỉ hưu 02 cán bộ; tuyển dụng mới 29 lao động. Điều chuyển công nhân lái xe vùng Ưông Bí về Cẩm Phả làm việc, bố trí chỗ ở đảm bảo các điều kiện để công nhân yên tâm làm việc. Tuyển dụng lái xe hạng E và lao động có giấy phép lái xe hạng C, D để đào tạo nâng hạng lái xe chở người trên 30 chỗ (hạng E). Điều chỉnh đơn giá tiền lương; kiểm tra đôn đốc các đơn vị phân phối tiền lương, thưởng theo đúng quy chế. Nghiệm thu tiền lương hàng tháng, bổ sung tiền lương dịp lễ tết cho người lao động. Giải quyết chế độ, quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty.

Mặc dù còn có khó khăn, song do được sự quan tâm chỉ đạo tạo điều kiện của Tập đoàn, sự ủng hộ của khách hàng cùng các biện pháp tổ chức sản xuất hợp lý an toàn, tiết kiệm, hiệu quả. Do vậy năm 2023 tiền lương bình quân của người lao động đạt mức 10.632.000 đồng/người/tháng, đạt 113,2 % so với KH năm và bằng 103,2 % so với năm 2022.

| | |
|-----------------------------|------------------------------|
| <i>Trong đó:</i> | |
| - Lái xe chở người | 11.260.000 đồng/người/ tháng |
| - Thợ CĐK | 8.850.000 đồng/người/ tháng |
| - Lao động phục vụ, phụ trợ | 7.500.000 đồng/người/ tháng |
| - Cán bộ quản lý | 14.000.000 đồng/người/ tháng |

7. Công tác đời sống, chăm sóc sức khỏe NLĐ:

- Thực hiện đúng các quy định về công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe người lao động, tổ chức tốt công tác thường trực cấp cứu, khám chữa bệnh ngoại trú cho CBCNVC trong Công ty cả 3 vùng Cẩm Phả, Hạ Long, Ưông Bí. Giải quyết các chế độ về BHXH, BHYT cho người lao động.

- Trong năm đã tổ chức khám và phát thuốc cho 1.240 lượt người, làm thủ tục chuyển viện cho 240 lượt người, số người nghỉ ốm là 980 lượt với 3.200 công ốm, chi phí khám chữa bệnh là 67 triệu đồng. Tổ chức khám SKĐK, khám sức khỏe cho công nhân làm việc nặng nhọc độc hại theo quy định, có đầy đủ hồ sơ khám SKĐK, phân loại sức khỏe, theo dõi điều trị cho công nhân có sức khỏe loại IV, loại V. *M*

- Duy trì tủ thuốc ở các đơn vị, túi thuốc sơ cứu trên xe công nhân. Tổ chức quan trắc môi trường lao động. Duy trì tốt công tác VSMT, VSCN, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, phun thuốc diệt côn trùng gây bệnh.

- Quản lý hoạt động của các nhà ăn theo quy định. Tổ chức phục vụ ăn giữa ca, bồi dưỡng ca 3 đảm bảo định lượng, chất lượng, an toàn VSTP với số lượng 169.050 suất ăn công nghiệp, 13.945 suất bồi dưỡng ca 3 và 95.500 suất bồi dưỡng hiện vật.

- Thường xuyên duy trì và có các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động như: sửa chữa cải tạo nhà vệ sinh, mua sắm các trang thiết bị phục vụ nhà ăn, nhà nghỉ cho công nhân cả ba vùng Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí.

- Phối hợp tổ chức cho 53 cán bộ đi nghỉ mát tại Tây Nguyên. Tổ chức cho 44 CNLĐ đi tham quan các tỉnh miền Trung, 40 CBCNV đi nghỉ điều dưỡng tại Cửa Lò Nghệ An. Cử 22 đoàn viên công đoàn tham dự chương trình "Phúc lợi thợ mỏ năm 2023" tại thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng do CĐ.TKV tổ chức. Ban hành quy định bồi dưỡng hiện vật mức hưởng tăng từ 10.000 đồng lên 13.000 đồng. Ban hành quy định thanh toán công tác phí đối với công nhân lái xe vùng Uông Bí, Hạ Long về làm việc tại vùng Cẩm Phả. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý của Tập đoàn về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ cá nhân và mua BHXH, BHYT, BHTN cho CNLĐ theo quy định.

8. Phong trào Thi đua - Tuyên truyền:

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn và của địa phương, ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng KHLT số 110/KHLT-GĐ-CĐ ngày 13/01/2023 giữa Giám đốc và BTV Công đoàn về phát động thi đua năm 2023 và tổ chức phong trào thi đua, các hoạt động VHMT nhằm tạo khí thế sôi nổi trong hoạt động SXKD, cụ thể:

- Về công tác sáng kiến: Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất của Công ty tiếp tục được duy trì, góp phần tích cực kịp thời giải quyết khó khăn trong sản xuất; nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, tạo không khí lao động hăng say thi đua trong LDSX của CBCNV trong toàn Công ty. Năm 2023, công tác sáng kiến đạt 54/42 sáng kiến đạt 129% KH với giá trị làm lợi trên 1,6 tỷ đồng, thưởng 110 triệu đồng.

- Về thực hiện công trình việc khó: Duy trì tốt phong trào đăng ký đảm nhận công trình của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong công ty. Trong năm đã thực hiện 08 công trình góp phần tháo gỡ khó khăn trong sản xuất với giá trị hơn một tỷ đồng.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua đạt năng suất cao, tổ xe máy hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm. Thông qua phong trào đã động viên toàn thể người lao động trong Công ty hăng hái thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả đã có 38 xe đạt năng suất cao, 17 tổ sản xuất hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm, 25 tổ sản xuất, tổ công tác đạt danh hiệu tổ lao động xuất sắc. Tổng số tiền thưởng, khuyến khích cho các cá nhân, đơn vị là: 410 triệu đồng. Ngoài ra Công ty còn tổ chức bình xét khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, trong đó có 124 cá nhân xuất sắc trong quý được thưởng 500.000 đồng/ người, 02 cá nhân xuất sắc từ 3 quý trở lên báo cáo và đề nghị TKV xem xét khen thưởng. *M*

- Phong trào gương " Người tốt, việc tốt" được lan tỏa rộng khắp và được khách hàng, cấp trên ghi nhận, biểu dương. Qua đó, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao uy tín, thương hiệu của Công ty. Trong năm đã có 97 gương "Người tốt, việc tốt" với 152 lần trả tài sản cho công nhân đi xe. Giám đốc và Công đoàn công ty đã tuyên dương, khen thưởng cho 28 gương "Người tốt, việc tốt" để biểu dương sự đóng góp của đội ngũ lái xe, khích lệ tinh thần NLĐ tích cực hơn trong các phong trào việc tốt của đơn vị.

- Tổ chức giải Cầu lông phong trào CNVCLĐ năm 2023, tham gia giải Cầu lông phong trào năm 2023 do Tập đoàn tổ chức kết quả đoạt Huy chương vàng đôi nam nữ. Tham gia ngày hội Văn hoá thể thao CNVCLĐ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XI năm 2023 và đã giành Huy chương vàng nội dung cầu lông đôi nam nữ. Triển khai các cuộc thi do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tổ chức. Ngoài ra còn tích cực tham gia cuộc thi tìm hiểu 60 năm Ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh do Đảng uỷ công ty tổ chức. Triển khai kế hoạch tuyên truyền và tổ chức trang trí, khánh tiết, tuyên truyền trực quan các dịp chào mừng, kỷ niệm, lễ tết tạo không khí sôi nổi lành mạnh trong thi đua lao động sản xuất.

NHẬN XÉT CHUNG

Có thể nói, năm 2023 đối với Công ty đó là: Thử thách lớn hơn thuận lợi, khó khăn nhiều hơn cơ hội. Song, với sự đồng thuận, quyết tâm vượt khó, luôn chủ động tìm kiếm, bám sát giải quyết mọi công việc của từ Ban lãnh đạo đến các phòng, phân xưởng và toàn thể CBCN trong Công ty. Do vậy, năm 2023 SXKD của Công ty luôn ổn định, an toàn an ninh đảm bảo, việc làm, thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động được cải thiện, chất lượng thiết bị, chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân mở được duy trì và nâng cao. Hoàn thành tốt kế hoạch PHKD với Tập đoàn và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2023. Tạo tiền đề để Công ty tăng trưởng, mở rộng sản xuất, phát triển bền vững trong năm 2024 và các năm tiếp theo. *TC*



Phần thứ hai
NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

Năm 2024, dự báo kinh tế thế giới còn có những diễn biến phức tạp nhất là về lạm phát, lãi suất tăng cao, nguy cơ suy thoái cùng bất ổn chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới.

Tập đoàn tập trung tháo gỡ các khó khăn về công tác quy hoạch, Tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị trong Tập đoàn. Thất chặt công tác đảm bảo an toàn lao động. Quan tâm chăm lo đời sống, nhà ở cho công nhân lao động, các công trình an sinh xã hội, đặc biệt là các công trình phục vụ nâng cao chất lượng đời sống cho công nhân lao động vùng mỏ.

Năm 2024, dự báo Công ty sẽ gặp khó khăn do ảnh hưởng của kinh tế thế giới và trong nước, giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng. Tập đoàn chủ trương tái cơ cấu, hợp nhất, thoái vốn, sắp xếp lại một số đơn vị; các mỏ đổi mới công nghệ dẫn đến lượng công nhân đi làm giảm. Thời tiết diễn biến phức tạp khó lường ảnh hưởng đến sản xuất.

Tuy nhiên, với những kết quả quan trọng đã đạt được trong năm 2023. Công ty tiếp tục đặt mục tiêu đảm bảo an toàn trong tất cả các lĩnh vực SXKD, nhất là an toàn đưa đón công nhân mỏ. Duy trì, nâng cao chất lượng thiết bị, chất lượng dịch vụ.

Tăng cường quan hệ, tìm kiếm thêm khách hàng, nâng cao doanh thu dịch vụ đưa đón công nhân, các dịch vụ tham quan du lịch, nghỉ cuối tuần và sửa chữa xe cho khách hàng. Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động. Đảm bảo lợi nhuận, bảo toàn, phát triển vốn Chủ sở hữu, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD, thực hiện thành công Nghị quyết Hội nghị người lao động công ty năm 2024 và góp phần thực hiện thành công mục tiêu chung của Tập đoàn đó là " An toàn - Đoàn kết - Phát triển - Hiệu quả".

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kế hoạch SXKD năm 2024 (theo Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2024 số 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam):

- Tổng doanh thu là 314,5 tỷ đồng, chi phí 309 tỷ 161 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế 5,3 tỷ đồng, lao động bình quân 740 người, tiền lương bình quân của người lao động là 10.988.000 triệu đồng/ người/ tháng.

(Phụ lục 03 kèm theo)

2. Kế hoạch sử dụng lao động năm 2024

- Lao động định mức: 740 người, trong đó:
 - + Người quản lý công ty: 05 người
 - + Người lao động: 735 người
- Lao động tuyển mới: 35 người. *th*

3. Kế hoạch trả cổ tức năm 2024: Dự kiến $\geq 4\%/V\Delta L$

Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2024:

- Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 5,300 tỷ đồng
- Dự kiến lợi nhuận sau thuế: 4,217 tỷ đồng
- Dự kiến chi trả cổ tức: 1,312 tỷ đồng (Tương ứng 4%);
- Dự kiến còn lại chi các quỹ: 2,905 tỷ đồng
- Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2024 sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2024 của Công ty và nghiệm thu kế hoạch PHKD với TKV.

4. Kế hoạch ĐT-XD năm 2024 (theo thông báo 6373/TKV-ĐT ngày 25/12/2023 của TKV; Quyết định số 137/QĐ-HĐQT ngày 29/12/2023 của HĐQT Công ty về phê duyệt Kế hoạch Đầu tư năm 2024):

- Tổng giá trị đầu tư: 37.326 triệu đồng
- Trong đó:
 - + Xây lắp: 3.050 triệu đồng
 - + Thiết bị: 31.500 triệu đồng
 - + Chi phí tư vấn, khác: 2.776 triệu đồng
- Theo nguồn vốn:
 - + Vay thương mại: 24.880 triệu đồng
 - + Vốn chủ sở hữu: 12.446 triệu đồng

(Phụ lục 04 kèm theo)

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

1. Tập trung chỉ đạo triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 và nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ công ty lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025. Thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo điều hành của Tập đoàn. Phối hợp chặt chẽ, linh hoạt giữa Đảng ủy-HĐQT-GĐ-Công đoàn Công ty đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo tổ chức quản lý điều hành SX; tuyên truyền giáo dục CBCNVC người lao động thực hiện đúng các qui định, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí, hoàn thiện các quy trình quản lý với yêu cầu tất cả các khâu có phát sinh chi phí đều có người quản lý và chịu trách nhiệm để nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả, hiệu lực quản trị Doanh nghiệp.

Xây dựng, triển khai các phương án tổ chức sản xuất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm dịch vụ. Tổ chức đưa đón công nhân các mỏ đảm bảo an toàn, duy trì nâng cao chất lượng phục vụ. Tích cực mở rộng dịch vụ đưa đón công nhân đi làm, về quê nghỉ tết, phục vụ khách tham quan du lịch, nghỉ cuối tuần, sửa chữa xe cho khách hàng. Chủ động, linh hoạt và đạt kết quả tốt trong việc tham gia dự thầu vận chuyển công nhân với các đơn vị thuộc Tập đoàn. Duy trì nghiệm thu chi phí hàng tháng, thực hiện tốt cập nhật, phân tích số liệu doanh thu - chi phí để có biện pháp quản trị chi phí tốt nhất. *PK*

Triển khai sớm kế hoạch Đầu tư năm 2024 theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, của TKV và của Công ty. Đảm bảo chất lượng, tiến độ dự án hoàn thành để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng xe đưa đón công nhân mỏ.

2. Đẩy mạnh đầu tư áp dụng KHCN, chuyển đổi số, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm dịch vụ. Cải thiện môi trường điều kiện làm việc, đảm bảo đủ việc làm, ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động nhất là lái xe chở công nhân và thợ bậc cao. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị doanh nghiệp; rà soát, bố trí cơ cấu lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty, chú trọng công tác đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật nhất là đối với lái xe chở người. Quan tâm tạo điều kiện để người lao động được cống hiến, phát huy năng lực, sở trường, có cơ hội cải thiện, thăng tiến về vị trí, công việc.

3. Không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố thiết bị, sự cố cháy nổ, tai nạn giao thông và vi phạm an toàn. Thực hiện tốt mục tiêu an toàn “Ba tăng, Ba giảm, Hai không” giai đoạn 2021-2025. Tổ chức nhận diện và đánh giá nguy cơ rủi ro về ATVSLĐ. Tổ chức hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Rà soát, tổng hợp, phân tích nguyên nhân các vụ việc vi phạm, các tai nạn, sự cố nhất là các sự cố có tính lặp lại. Xây dựng, triển khai các giải pháp ngăn ngừa, triệt tiêu sự cố ngay từ đầu năm và thời gian tiếp theo. Tích cực tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành luật giao thông, các qui định về an toàn, nội quy kỷ luật lao động. Chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

4. Tổ chức tốt phương án bảo vệ sản xuất tại các đơn vị và trên địa bàn hoạt động của Công ty. Duy trì các phương án phối hợp với Công an các Phường trên địa bàn và bảo vệ của các Công ty ngăn chặn vi phạm tiêu cực, đảm bảo an ninh trật tự. Tăng cường công tác bảo vệ ANTT, an toàn trong các ngày lễ tết, các sự kiện trên địa bàn.

Thực hiện đúng sự chỉ đạo của Ban CHQS các cấp. Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn PCCN, làm tốt công tác vệ sinh phòng cháy, không để xảy ra cháy nổ.

Tổ chức triển khai nghiêm túc kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Tập đoàn.

5. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện quy trình kiểm tu, sửa chữa, bảo dưỡng các cấp và tu bổ xe trước, sau ca sản xuất. Tất cả các thiết bị đều được thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, bảo dưỡng các cấp theo quy định, đảm bảo kỹ thuật an toàn phục vụ sản xuất. Duy trì sử dụng hiệu quả hệ thống giám sát hành trình GPS, hệ thống Camera trên xe chở công nhân. Tổ chức thực hiện tốt công tác môi trường, công tác pháp chế, công tác khám nghiệm định kỳ thiết bị cơ điện, nâng tải, tiếp địa, thử nghiệm định kỳ thiết bị có quy định nghiêm ngặt về an toàn. Áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nhất là về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý điều hành phương tiện vận tải và quản trị nội bộ. Thực hiện các quy định bảo vệ môi trường, trồng cây xanh, cây cảnh đảm bảo môi trường làm việc luôn Sáng - Xanh - Sạch. *JM*



6. Quản lý chặt chẽ công tác vật tư trong tất cả các khâu từ khi lập kế hoạch cho đến khi sử dụng theo đúng quy định. Ưu tiên sử dụng dịch vụ, vật tư sản xuất trong nước và trong nội bộ Tập đoàn với giá cạnh tranh. Đảm bảo an toàn hàng hoá, vệ sinh môi trường. Thường xuyên theo dõi biến động giá nhiên liệu để có biện pháp xử lý kịp thời.

7. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước, của Tập đoàn, của Công ty và các nội dung đã đề ra trong Thỏa ước lao động tập thể đối với người lao động, nội quy lao động. Chú trọng cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt, nghỉ ngơi; tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng; giải quyết trang bị BHLĐ cho người lao động nhất là đối với lái xe chở người và thợ bậc cao. Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám SKĐK, phòng chống dịch bệnh; khám và cấp phát thuốc cho CBCN. Tổ chức tốt bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật... cho CBCN đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

8. Tham gia đầy đủ các hoạt động nhân đạo xã hội. Phối hợp thực hiện tốt công tác xã hội, nhà trường, địa phương. Quản lý, sử dụng các quỹ đóng góp của người lao động và quỹ xã hội của Công ty đảm bảo công khai, công bằng, đúng mục đích. Tổ chức các hoạt động văn hoá thể thao của Công ty và tham gia với Tập đoàn, địa phương nâng cao sức khỏe cho người lao động.

9. Phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào tổ xe máy đạt năng suất cao, phong trào sáng kiến, công trình việc khó, phong trào văn nghệ, thể thao, cá nhân điển hình tiên tiến xuất sắc thể hiện hình ảnh Người thợ mỏ-Người chiến sĩ. Duy trì tốt phong trào gương "Người tốt, việc tốt" Tiếp tục xây dựng, duy trì văn hóa doanh nghiệp, văn hóa trên xe chở công nhân, nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ đối với công nhân mỏ.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024; mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Lưu VT, TK HĐQT.

GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Dũng

12
Phụ lục số 01

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023:

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | KH năm 2023 | THỰC HIỆN năm 2023 | So sánh (%) | |
|------------|----------------------|------------------------|----------------|--------------------|--------------|--------------------|
| | | | | | KH 2023 | Thực hiện năm 2022 |
| I | Sản lượng | | | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 4.300.000 | 4.036.831 | 93,9 | 80,7 |
| 2 | Tkm chở CN | Tkm | 30.000.000 | 33.516.475 | 111,7 | 120,2 |
| 3 | Km vận chuyển | Km | 11.000.000 | 11.629.884 | 105,7 | 102,7 |
| II | Doanh thu | Trđ | 294.000 | 327.763 | 111,5 | 97.2 |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 272.000 | 301.193 | 110,7 | 98,9 |
| 2 | Sửa chữa | " | 20.000 | 24.155 | 120,8 | 82,9 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | 2.415 | 120,8 | 72,4 |
| III | Chi phí | " | 288.800 | 322.535 | 111,7 | 97.2 |
| IV | LN trước thuế | " | 5.200 | 5.228 | 100,5 | 100,3 |
| V | LĐ bình quân | Người | 745 | 702 | 94,2 | 97,9 |
| VI | TN bình quân | 1000đ ng/th | 9.389 | 10.632 | 113,2 | 103,2 |

13
Phụ lục số 02

Thực hiện kế hoạch Đầu tư-Xây dựng năm 2023.

ĐVT: Triệu đồng

| TT | TÊN CÔNG TRÌNH | Thời gian khởi công hoàn thành (được duyệt/dự kiến) | Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) | Đơn vị | Khối lượng | Kế hoạch 2023 | Thực hiện |
|-----------|---|---|--------------------------------------|--------|------------|---------------|-----------|
| | TỔNG SỐ | | | | | 62.684 | 59.822 |
| A | TRẢ NỢ KHỐI LƯỢNG NĂM TRƯỚC | | | | | 1 806 | 1 806 |
| | Dự án nhóm C | | | | | | |
| 1 | Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 | 2022-2023 | 2 068 | | | 1 806 | 1 806 |
| B | KẾ HOẠCH 2023 | | | | | 60.878 | 58.016 |
| I | DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP | | | | | | |
| II | DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI | | | | | 60.878 | 58.016 |
| | Dự án nhóm C | | | | | | |
| 1 | Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2023 | 2023 | 58 894 | Cái | 20 | 58.894 | 56.785 |
| 2 | Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023 | 2023 | 1 984 | | | 1 984 | 1 231 |
| C | DỰ PHÒNG | | | | | | |



Phụ lục số 03

1. Kế hoạch SXKD năm 2024 (theo Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2024 số 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam)

| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | DỰ KIẾN KH SXKD 2024 |
|-----|----------------------|-----------|-------------------------|
| I | Sản Lượng | | |
| 1 | Vận chuyển công nhân | | |
| | - Theo vé | Vé | 3.830.000 |
| | - Theo Tkm | Tkm | 33.000.000 |
| | - Km vận chuyển | Km | 10.500.000 |
| II | Doanh thu | Tr.đ | 314.500 |
| 1 | Vận chuyển công nhân | " | 292.500 |
| 2 | Sửa chữa | " | 20.000 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 |
| III | Chi phí | " | 309.161 |
| IV | Lợi nhuận trước thuế | " | 5.300 |
| V | Lao động BQ | Người | 740 |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/N/T | 10.988 |



72

Phụ lục số 04

BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐTXD NĂM 2024

Đơn vị: Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Tên công trình | Thời gian khởi công - hoàn thành (được duyệt/ dự kiến) | Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) | Đơn vị | Khối lượng | Kế hoạch năm 2024 | | | | | | | | |
|-----|--|--|--|--------|---------------|-------------------|-------------------|---------------|--------------------------------------|---------|-------------------|-------------------|----------|------------------|
| | | | | | | Tổng số | Cơ cấu vốn đầu tư | | | | Nguồn vốn | | | |
| | | | | | | | Xây dựng | Thiết bị | Quản lý, tư vấn, GPMB, khác... | Góp vốn | Vay thương mại | Vốn chủ sở hữu | Phúc lợi | Huy động khác |
| 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 5 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| | Tổng số (A+B+C) | | | | | 37.326 | 3.050 | 31.500 | 2.776 | | 24.880 | 12.446 | | |
| A | TRẢ NỢ KHỐI LƯỢNG NĂM TRƯỚC | | | | | 1.076 | | | 1.076 | | 1.076 | | | |
| B | KẾ HOẠCH NĂM 2024 | | | | | 176 | | | 176 | | 176 | | | |
| B.1 | KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN (I+II) | | | | | 176 | | | 176 | | 176 | | | |
| I | Dự án chuyên tiếp | | | | | | | | 176 | | 176 | | | |
| 1 | Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2023 | 2024 | 58.894 | Cái | 20 | 176 | | | | | | | | |
| II | Dự án khởi công mới | | | | | | | | | | 900 | | | |
| B.2 | ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, QUY HOẠCH, CHUẨN BỊ DỰ ÁN | | | | | 900 | | | 900 | | 900 | | | |
| III | Dự án nhóm C | | | | | 400 | | | 400 | | 400 | | | |
| 1 | Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2024 | 2024 | 66.290 | | | | | | | | | | | |
| 2 | Đầu tư xây dựng hệ thống công trình phụ trợ phục vụ sản xuất tại phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, tỉnh QN | 2024 | 1.518 | | | 50 | | | 50 | | 50 | | | |
| 3 | Đầu tư xây dựng Trạm rửa xe tự động tại phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, tỉnh QN | 2024 | 2.510 | | | 100 | | | 100 | | 100 | | | |
| 4 | Đầu tư thiết bị văn phòng, phần mềm phục vụ sản xuất năm 2024 | 2024 | 1.255 | | | 50 | | | 50 | | 50 | | | |
| 5 | Đầu tư xây dựng Khu nhà điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại khu Khe Ngát, phường Bắc Sơn, TP Uông Bí, tỉnh ON | 2024 | 13.335 | | | 300 | | | 300 | | 300 | | | |
| C | DỰ PHÒNG | | | | | 36.250 | 3.050 | 31.500 | 1.700 | | 24.880 | 11.370 | | |
| III | Dự án nhóm C | | | | | 36.250 | 3.050 | 31.500 | 1.700 | | 24.880 | 11.370 | | |
| 1 | Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2024 (dự kiến 50% TMĐT) | 2024 | 66.290 | Cái | 20 xe | 31.400 | | 29.900 | 1.500 | | 23.105 | 8.295 | | |
| 2 | Đầu tư xây dựng hệ thống công trình phụ trợ phục vụ sản xuất tại phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, tỉnh QN | 2024 | 1.518 | | | 1.400 | 1.350 | | 50 | | 675 | 725 | | |
| 3 | Đầu tư xây dựng Trạm rửa xe tự động tại phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, tỉnh QN | 2024 | 2.510 | | | 2.300 | 1.700 | 500 | 100 | | 1.100 | 1.200 | | |
| 4 | Đầu tư thiết bị văn phòng, phần mềm phục vụ sản xuất năm 2024 | 2024 | 1.255 | | | 1.150 | | 1.100 | 50 | | | 1.150 | | |

Số: 25/BC-HĐQT

Cẩm Phả, ngày 04 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan trong năm 2024

Kính gửi: - Các Quý vị cổ đông;

- Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin

Căn cứ điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ khoản 3 điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 22/4/2021;

Căn cứ Kế hoạch số 133/KH-HĐQT ngày 29/12/2023 của HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin. Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông của Công ty về kết quả các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những doanh nghiệp có người liên quan trong năm 2023. Đồng thời đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những doanh nghiệp có người liên quan trong năm 2024, cụ thể như sau:

1. Báo cáo kết quả về các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những người có liên quan năm 2023:

Tổng giá trị giao dịch về vận chuyển CBCNV, sửa chữa xe thực hiện trong năm 2023 giữa Công ty với Tập đoàn TKV là 322,6 tỷ đồng, thông qua các chi nhánh của Tập đoàn TKV, các công ty TNHH MTV mà TKV nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc nắm quyền chi phối là các doanh nghiệp, cụ thể như sau:

| TT | Tên đơn vị | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) |
|----|---|-----------------------------|
| 1 | Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin | 11,6 |
| 2 | Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin | 11,8 |
| 3 | Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV | 33,5 |
| 4 | Công ty Than Thống Nhất - TKV | 0,7 |
| 5 | Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin | 22,9 |
| 6 | Công ty Than Khe Chàm - TKV | 20,6 |

(Chữ ký)

| TT | Tên đơn vị | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) |
|----|---|-----------------------------|
| 7 | Công ty Than Dương Huy - TKV | 31,4 |
| 8 | Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin | 1,3 |
| 9 | Công ty Than Quang Hanh-TKV | 6,2 |
| 10 | Công ty cổ phần Vật tư - TKV | 0,6 |
| 11 | Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin | 5,6 |
| 12 | Công ty Xây lắp mỏ - TKV | 9,5 |
| 13 | Công ty Than Hạ Long -TKV | 35 |
| 14 | Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin | 3.8 |
| 15 | Công ty Than Nam Mẫu - TKV | 31,4 |
| 16 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 0,7 |
| 17 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | 1,1 |
| 18 | Công ty Than Uông Bí - TKV | 28,4 |
| 19 | Công ty Than Mạo Khê - TKV | 2,3 |
| 20 | Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV | 2,9 |
| 21 | Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin | 11,4 |
| 22 | Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 20,6 |
| 23 | Công ty Than Hòn Gai - TKV | 5,4 |
| 24 | Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin | 13,2 |
| 25 | Công ty cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin | 2,8 |
| 26 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 0,2 |
| 27 | Công ty cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin | 7,8 |

Ngoài ra Công ty còn có hợp đồng về các lĩnh vực giao dịch, hợp đồng dịch vụ, mua bán vật tư, nhiên liệu với giá trị giao dịch thực hiện trong năm 2023 như sau:

| TT | Tên đơn vị | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) |
|----|---|-----------------------------|
| 1 | Công ty cổ phần Vật tư - TKV - XN Vật tư Cẩm Phả | 38,16 |
| 2 | Công ty Than Quang Hanh - TKV | 5,34 |
| 3 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 0,76 |
| 4 | Bệnh viện Than - Khoáng sản | 0,16 |
| 5 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | 0,3 |
| 6 | Công ty cổ phần KD than Miền Bắc-Cty KD than nghệ Tĩnh | 0,15 |
| 7 | Công ty cổ phần than Cao Sơn | 3,2 |
| 8 | Công ty cổ phần Vận tải và Kinh doanh than -Vinacomin | 0,6 |
| 9 | Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin - XN Thiết kế Than Hòn Gai | 0,2 |
| 10 | Viện khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin | 0,25 |



Handwritten signature

2. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những người có liên quan năm 2024 như sau:

Ông Nguyễn Trọng Tốt nguyên là Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Công ty, tham gia vào HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty đến ngày 31/7/2023; đồng thời ông Nguyễn Trọng Tốt còn giữ chức vụ tại 04 doanh nghiệp đó là: (i) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Hà Lâm- Vinacomin; (ii) Chủ tịch HĐQT Công ty CP than Đèo Nai-Vinacomin; (iii) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Mông Dương-Vinacomin; (iv) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin.

Từ ngày 01/8/2023, ông Phạm Đăng Phú - Thành viên ban quản lý vốn của TKV là Người đại diện quản lý phần vốn của TKV tại Công ty đang tham gia vào HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty; đồng thời ông Phạm Đăng Phú còn giữ chức vụ tại 03 doanh nghiệp đó là: (i) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin; (ii) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư-TKV; (iii) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương mại và Du lịch-Vinacomin.

Ông Phạm Xuân Phong- Phó ban Kiểm soát nội bộ của TKV là Trưởng BKS Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ -Vinacomin đồng thời ông Phạm Xuân Phong còn giữ chức vụ tại 04 doanh nghiệp đó là: (i) Kiểm soát viên Công ty Xây lắp mỏ-TKV; (ii) Trưởng BKS Công ty CP than Miền Nam-TKV; (iii) Thành viên BKS Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP; (iv) Thành viên BKS Công ty CP cơ khí Hòn Gai.

Như vậy ngoài các đơn vị trực thuộc TKV có liên quan, một số đơn vị nêu trên đều có quan hệ hợp đồng kinh tế, giao dịch vì cùng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và có cùng người liên quan. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và khoản 3 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán" và Điều 15 - Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 22/4/2021.

Hội đồng quản trị đề nghị các quý vị cổ đông xem xét thông qua Chủ trương đề Công ty ký và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ -Vinacomin với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

| TT | Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan | Địa chỉ, Mã số thuế | Lĩnh vực giao kết | Giá trị ký/Hợp đồng, giao dịch |
|----|---|---|--|---|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Các Công ty trực thuộc TKV và một số Công ty CP do TKV nắm cổ phần chi phối | Số 03 - Đường Dương Đình Nghệ, Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội MST: 5700100256 | Theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong giấy phép kinh doanh của các Công ty | Giá trị của các hợp đồng và giao dịch từ 35% > tổng trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất |



Handwritten signature/initials

| TT | Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan | Địa chỉ, Mã số thuế | Lĩnh vực giao kết | Giá trị ký/Hợp đồng, giao dịch |
|----|---|--|-------------------|--------------------------------|
| 2 | Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin (Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin) | Phường Cẩm Tây, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh MST: 5700101299 | Như mục 1 | Như mục 1 |
| 3 | Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin (Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin) | Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101877 | Như mục 1 | Như mục 1 |
| 4 | Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin (Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty là chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin) | Phường Hà Lâm, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101637 | Như mục 1 | Như mục 1 |
| 5 | Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin (Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin) | Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101203 | Như mục 1 | Như mục 1 |
| 6 | Công ty CP Vật tư -TKV (Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư - TKV) | Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700100707 | Như mục 1 | Như mục 1 |
| 7 | Công ty Xây lắp mỏ -TKV (Người nội bộ Công ty là người nội bộ Xây lắp mỏ) | Phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700100256-067 | Như mục 1 | Như mục 1 |

Hội đồng quản trị kính đề nghị các Quý vị cổ đông của Công ty xem xét thông qua và giao cho Giám đốc điều hành Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan nêu trên theo đúng quy định của Pháp luật. Về thời hạn thực hiện các hợp đồng, giao dịch kể từ ngày 01/01/2024 đến khi có thay đổi khác.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ -Vinacomin trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông của Công ty xem xét thông qua nội dung trên để Công ty thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Phú

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023
Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024
(Trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sửa đổi bổ sung thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về quản trị công ty, kết quả hoạt động và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023-Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT như sau:

Phần 1
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

Năm 2023 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tích cực nghiên cứu, tìm hiểu các chế độ chính sách mới, quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc trong nội bộ Công ty; đã thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước của TKV và của Công ty. Các thành viên HĐQT đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công theo Điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Thực hiện Quy chế phối hợp giữa Đảng và Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ, giai đoạn 2021-2025.

Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, họp HĐQT, ban hành Nghị quyết, quyết định giao Giám đốc tổ chức thực hiện. Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo thẩm quyền. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế nội bộ và triển khai thực hiện theo đúng các chế độ, chính sách, quy định hiện hành.

1. Về nhân sự Hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2023 | |
|----|-----------------------|--|---------------------------------------|----------------|
| | | | Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước | Sở hữu cá nhân |
| 1 | Ông: Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 01/8/2023) | 3.123.809 cổ phần | 0 |
| | Phạm Đăng Phú | Chủ tịch HĐQT (được bầu từ ngày | 3.123.809 cổ phần | 0 |

| | | | |
|---|---------------------|---------------------------------|---------------|
| | | 01/8/2023) | |
| 2 | Ông: Vũ Mạnh Dũng | Thành viên HĐQT- Giám đốc | 1.073 cổ phần |
| 3 | Ông: Lương Văn Hiếu | Thành viên HĐQT chuyên trách | 1.073 cổ phần |

Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên tham gia điều hành. Các thành viên HĐQT được phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với trình độ, năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của HĐQT.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị: (Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

| TT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|----|------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | 10 | 10/10 | |
| 2 | Phạm Đăng Phú | 10 | 10/10 | |
| 3 | Vũ Mạnh Dũng | 20 | 20/20 | |
| 4 | Lương Văn Hiếu | 20 | 20/20 | |

3. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2023 Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên, 19 lần họp toàn thể, ban hành 28 nghị quyết, 19 quyết định về tổ chức quản lý chỉ đạo điều hành sản xuất. Bám sát các chủ trương kế hoạch, các giải pháp chỉ đạo của Tập đoàn cũng như thực tế sản xuất của Công ty để kịp thời chỉ đạo bộ máy điều hành khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất. Sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý trong nội bộ công ty nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Doanh nghiệp. Bổ nhiệm mới Giám đốc, Phó Giám đốc, kiện toàn nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, quan tâm công tác đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ. Qua đó, các mặt hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, bảo vệ môi trường... của công ty đạt kết quả tốt.

Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty. Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Tiếp thu, xem xét giải quyết các kiến nghị của Ban kiểm soát để khắc phục, hoàn thiện các mặt quản lý.

HĐQT và ban Giám đốc điều hành thường xuyên có sự phối hợp công tác, trao đổi ý kiến để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, trong chấp hành luật pháp và trong các mặt công tác khác có liên quan của Công ty. Định kỳ sơ kết sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; kiểm điểm các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ ra những tồn tại hạn chế và các biện pháp chỉ đạo trọng tâm trong thời gian tới.

3.1. Kết quả SXKD

Trong năm Công ty gặp một số khó khăn như: Còn có một số mỏ thuê ngoài vận chuyển công nhân với giá trị khoảng 37 tỷ đồng. Dịch vụ chở khách thăm quan du lịch giảm nhiều. Quý II, quý III thời tiết nắng nóng, mưa lớn kéo dài ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ; xe chở công nhân thường xuyên phải đi đường vòng tránh làm phát sinh chi phí vận hành. Giá vật tư đầu vào tăng cao làm tăng chi phí sản xuất. Tuy nhiên, ngay từ đầu năm tập thể Ban lãnh đạo Công ty đã có các giải pháp đồng bộ, linh hoạt và

quyết liệt. Chủ động quan hệ tìm kiếm thêm việc làm để tăng doanh thu vận chuyển công nhân và sửa chữa xe cho khách hàng. Tăng cường các biện pháp quản trị chi phí; quản trị tốt nội bộ, chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của Tập đoàn. Do vậy, năm 2023 Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch PHKD với Tập đoàn, đảm bảo lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động, với kết quả cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 327,763 tỷ đồng, bằng 111,48 % so với KH năm và bằng 97,2 % so với năm 2022.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 5,228 tỷ đồng, đạt 100,54 % so với KH năm và bằng 100,34 % so với năm 2022. Dự kiến chia cổ tức 4,0% trên vốn điều lệ. Đảm bảo đủ việc làm cải thiện thu nhập, quan tâm giải quyết đầy đủ, kịp các chế độ chính sách với người lao động.

- Lao động bình quân 702 người; tiền lương bình quân của người lao động đạt 10.632.000 đồng/ người/tháng, đạt 113,23 % so với KH năm và bằng 103,2 % so với năm 2022.

3.2. Công tác bảo toàn và phát triển vốn

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 | Năm 2023 |
|----|------------------------------------|------|-----------------|-----------------|
| 1 | Tài sản | VND | 212.272.783.446 | 244.949.229.613 |
| | - Tài sản ngắn hạn | VND | 37.955.475.275 | 44.324.206.217 |
| | - Tài sản dài hạn | VND | 174.317.308.171 | 200.625.023.396 |
| 2 | Nguồn vốn | VND | 212.272.783.446 | 244.949.229.613 |
| | - Nợ phải trả | VND | 172.426.572.776 | 204.266.301.465 |
| | - Vốn chủ sở hữu | VND | 39.846.210.670 | 40.682.928.148 |
| 3 | Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH | Lần | 4,33 | 5,02 |
| 4 | Hệ số nợ phải trả/Vốn điều lệ | Lần | 5,26 | 6,23 |
| 5 | Tỷ số lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA) | % | 2,08 | 1,80 |
| 6 | Tỷ số lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE) | % | 11,49 | 11,49 |
| 7 | Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 0,52 | 0,51 |
| 8 | Định mức tín dụng ngắn hạn | Tr.đ | 21.824 | 27.732 |

4. Thực hiện nhiệm vụ giám sát

Căn cứ vào Điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty, HĐQT đã giám sát Ban giám đốc, cán bộ quản lý thông qua việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Ban giám đốc đã kịp thời tổ chức triển khai các Nghị quyết, quyết định, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của TKV và của HĐQT. Thực hiện tốt công tác quản lý, quản trị chi phí; tổ chức - điều hành sản xuất linh hoạt, hiệu quả. Quan hệ tốt với khách hàng để ký kết thực hiện các hợp đồng vận chuyển công nhân, sửa chữa xe. Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện thu nhập cho người lao động. Công tác Đầu tư - Xây dựng được tổ chức thực hiện

đúng quy định, tiết kiệm, đảm bảo tiến độ chất lượng dự án hoàn thành có tính đến sự phát triển lâu dài của Công ty.

4.1. Công tác Đầu tư xây dựng

Trong năm Công ty thực hiện kế hoạch ĐTXD được 59 tỷ 822 triệu/62 tỷ 684 triệu đồng 95,43 % so với kế hoạch, trong đó:

Dự án chuyển tiếp:

+ Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022: Đã hoàn thành; giá trị thực hiện: 1.806 trđ,

Dự án khởi công mới:

+ Dự án Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2023:

Tổng mức đầu tư: 58.894 trđ; giá trị thực hiện: 56.785 trđ; đưa vào sử dụng tháng 12/2023.

+ Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023: Tổng mức đầu tư 1.984 trđ; giá trị thực hiện: 1.231 trđ bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12/2023.

4.2. Công tác quản lý lao động tiền lương

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định, hướng dẫn của Nhà nước, của Tập đoàn và của Công ty về công tác TCLĐ - TL. Ban hành các văn bản quy định giao đơn giá tiền lương. Quy định về mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm, ưu tiên tiền lương cho lao động sản xuất chính (lái xe chở người). Bổ sung tiền lương nhân các dịp lễ, tết. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý của Tập đoàn về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ và mua BHXH, BHYT, BHTN cho CNLĐ theo quy định. Giải quyết trang bị BHLĐ các nhân, bồi dưỡng độc hại kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ đối với người lao động.

4.3. Công tác tái cơ cấu, đổi mới quản trị nội bộ.

Năm 2020 công ty đã thực hiện xong công tác tái cơ cấu theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn. Hiện nay công ty có 6 phòng, 8 phân xưởng. Đến thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động trong Công ty là 702 người. Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu, tinh giản lao động theo hướng dẫn của Tập đoàn phù hợp với thực tế của Công ty. Rà soát, bố trí cơ cấu lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

5. Thực hiện mối quan hệ công tác với tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội

Trong năm, HĐQT phối hợp cùng Đảng ủy, Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo các quy định pháp luật và Quy chế 16-QCPH/ĐU-HĐQT, ngày 08/3/2021 giữa Đảng và Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty. Trong các cuộc họp hằng tháng, quý hoặc họp đột xuất khi cần thiết, Người đại diện quản lý phân vốn của TKV và những Người đại diện của TKV tại Công ty, HĐQT, Giám đốc công ty trao đổi với Đảng ủy công ty những vấn đề quan trọng về SXKD, Quốc phòng, an ninh trật tự, công tác tái cơ cấu, tổ chức và cán bộ bằng hình thức trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản với Thường trực Đảng ủy. Hằng tháng, quý, Người đại diện phân Vốn/Người đại diện của TKV tại công ty, Giám đốc công ty đồng thời là Bí thư cấp ủy

trao đổi trực tiếp với Thường trực hoặc tại các cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ công ty. Qua đó các mặt sản xuất, an toàn, an ninh trật tự đảm bảo, ổn định việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động. Trong quá trình hoạt động, HĐQT, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh công ty để chỉ đạo, động viên CNCB đoàn kết thống nhất vì mục tiêu ổn định và phát triển chung của công ty.

* **Đánh giá chung:** Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, tuân thủ các quy định pháp luật, của TKV và của Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT. Chú trọng công tác khoán quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã phát huy trình độ, khả năng bản thân để thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Công ty và của chủ sở hữu.

Phần 2 PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Kế hoạch SXKD năm 2024

Theo Thông báo các chỉ tiêu kế hoạch PHKD năm 2024 số 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023 của TKV. Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2024 | Ghi chú |
|-------------|-----------------------------|--------------------|----------------|---------|
| I | Sản lượng | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 3.830.000 | |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 33.000.000 | |
| 3 | KM vận hành | Km | 10.500.000 | |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 314.500 | |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 292.500 | |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 20.000 | |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | |
| III | Chi phí | " | 309.161 | |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.300 | |
| V | Lao động BQ | Người | 740 | |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ng.th | 10.988 | |
| VII | Trả cổ tức (dự kiến) | % | ≥4 | |
| VIII | Đầu tư xây dựng | Tr.Đồng | 37.326 | |

2. Về công tác chỉ đạo điều hành sản xuất và các giải pháp thực hiện

2.1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao. Thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo điều hành của Tập đoàn. Phối hợp chặt chẽ, linh hoạt giữa Đảng ủy-HĐQT-GĐ-Công đoàn Công ty đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong chỉ

đạo tổ chức quản lý điều hành SX. Tuyên truyền giáo dục CBCNV người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Triển khai đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chống lãng phí, hoàn thiện các quy trình quản lý. Bảo toàn phát triển vốn, đảm bảo quyền lợi chính đáng của các cổ đông. Thực hiện kế hoạch cổ tức năm 2024 đạt: $\geq 4\%$ trên vốn điều lệ.

2.2. Tiếp tục nghiên cứu áp dụng đổi mới phương thức phục vụ khách hàng. Tích cực tăng trưởng mở rộng dịch vụ vận chuyển công nhân, phục vụ khách tham quan du lịch, nghỉ cuối tuần, sửa chữa xe cho khách hàng để có đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động nhất là lái xe chở công nhân và thợ bậc cao. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị doanh nghiệp; rà soát, bố trí cơ cấu lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.3. Triển khai kế hoạch Đầu tư năm 2024 theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, của TKV và của Công ty. Đảm bảo chất lượng, tiến độ dự án hoàn thành, đáp ứng yêu cầu phục vụ của khách hàng. Đẩy mạnh đầu tư áp dụng KHCN, chuyển đổi số, đầu tư các phần mềm quản lý, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm dịch vụ.

2.4. Triển khai kịp thời, nghiêm túc các quy định của Nhà nước, chỉ đạo, hướng dẫn của Tập đoàn. Rà soát sửa đổi bổ sung ban hành mới các Quy chế quản lý. Thực hiện quyết liệt các giải pháp quản trị nội bộ, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Doanh nghiệp. Chỉ đạo giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2.5. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý, điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, quy định của Tập đoàn, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

2.6. Phối hợp chặt chẽ với BCH Đảng ủy và các tổ chức chính trị-xã hội trong Công ty thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế chính trị, tạo động lực phát triển sản xuất; phấn đấu xây dựng uy tín, thương hiệu và sự phát triển bền vững của công ty.

Trên đây là báo cáo về quản trị công ty, kết quả hoạt động và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023- Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024. HĐQT xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của quý vị đại biểu cổ đông./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn (Báo cáo)
- Các cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, viên chức quản lý;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Phú

**CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM 2023**

| TT | NGÀY THÁNG CỦA VĂN BẢN | | SỐ VÀ KÝ HIỆU | TRÍCH YẾU NỘI DUNG |
|----|---------------------------|-------|---------------|---|
| | NGÀY | THÁNG | | |
| 1 | 10 | 01 | 07/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT |
| 2 | 07 | 3 | 19/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT |
| 3 | 07 | 3 | 20/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (thông qua phương án thực hiện quy trình bổ nhiệm phó GD) |
| 4 | 07 | 3 | 21/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (thống nhất nhân sự BN phó GD) |
| 5 | 07 | 3 | 22/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (Quy hoạch cán bộ) |
| 6 | 30 | 3 | 32/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT quý 1/2023 |
| 7 | 01 | 4 | 34/NQ-HĐQT | NQ bổ nhiệm lại KTTr |
| 8 | 06 | 4 | 36/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (bổ nhiệm PGĐ Nga) |
| 9 | 20 | 4 | 46/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT |
| 10 | 26 | 4 | 47/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT về qui hoạch cán bộ |
| 11 | 26 | 4 | 49/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT về thông qua phương án điều động và giao nhiệm vụ cán bộ |
| 12 | 26 | 4 | 51/NQ-HĐQT | NQ họp ĐHCĐ thường niên 2023 |
| 13 | 17 | 5 | 57/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT |
| 14 | 17 | 5 | 58/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (vay vốn tín dụng) |
| 15 | 26 | 5 | 60/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (BNL Kế toán trưởng) |
| 16 | 31 | 5 | 65/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (bổ nhiệm lại KTTr) |
| 17 | 31 | 5 | 66/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (bổ nhiệm lại TP KT-VT) |
| 18 | 27 | 6 | 71/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (quý 2) |
| 19 | 01 | 8 | 80/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (bầu bổ sung TV HĐQT) |
| 20 | 01 | 8 | 82/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (bầu Chủ tịch HĐQT) |
| 21 | 01 | 8 | 87/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (dự án đầu tư xe ô tô chở CN duy trì SX năm 2023) |
| 22 | 05 | 8 | 92/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (dự án đầu tư xe ô tô chở CN duy trì SX năm 2023, PA thuê xe giường nằm) |
| 23 | 11 | 9 | 106/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT |
| 24 | 29 | 9 | 112/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (quý III) |
| 25 | 19 | 10 | 117/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (Bổ nhiệm lại QĐ PXVT số 5, PXSC) |
| 26 | 07 | 11 | 122/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (thông qua PA bổ nhiệm lại TP AT-BV, Thư ký HĐQT, BN mới TP KH) |
| 27 | 06 | 12 | 127/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (Bổ nhiệm lại TP AT-BV, Thư ký HĐQT, BN mới TP KH) |
| 28 | 29 | 12 | 131/NQ-HĐQT | NQ họp HĐQT (quý IV) |



ly

| | | | | QUYẾT ĐỊNH |
|----|----|----|---------------|---|
| 1 | 11 | 01 | 86 /QĐ-HĐQT | QĐ ban hành quy chế quản lý Tài chính |
| 2 | 08 | 3 | 23 /QĐ-ĐĐTMT | QĐ thành lập Tổ thẩm định quy chế quản lý đầu tư và xây dựng. |
| 3 | 08 | 3 | 24 /QĐ-ĐĐTMT | QĐ thành lập Tổ thẩm định (QC QLTSCĐ, QC Công nợ, QC huy động vốn, sử dụng vốn và các sản phẩm dịch vụ tài chính. |
| 4 | 31 | 3 | 458/QĐ-ĐĐTMT | QĐ V/v phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo Công ty Giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát, bổ sung) và giai đoạn 2025-2030. |
| 5 | 31 | 3 | 33 /QĐ-HĐQT | QĐ thành lập tổ thẩm định qui chế quản lý công tác vật tư |
| 6 | 04 | 4 | 500 /QĐ-ĐĐTMT | QĐ ban hành quy chế quản lý đầu tư xây dựng |
| 7 | 04 | 4 | 505 /QĐ-ĐĐTMT | QĐ ban hành quy chế quản lý huy động vốn, sử dụng vốn và các sản phẩm dịch vụ tài chính |
| 8 | 04 | 4 | 506 /QĐ-ĐĐTMT | QĐ ban hành quy chế công nợ |
| 9 | 04 | 4 | 507 /QĐ-ĐĐTMT | QĐ ban hành quy chế quản lý và sử dụng TSCĐ |
| 10 | 06 | 4 | 523/QĐ-ĐĐTMT | QĐ bổ nhiệm ông Nguyễn Như Nga giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty. |
| 11 | 17 | 5 | 768/QĐ-HĐQT | QĐ V/v ban hành quy chế Quản lý công tác Vật tư. |
| 12 | 26 | 4 | 52/QĐ-HĐQT | QĐ chia cổ tức năm 2023 |
| 13 | 01 | 8 | 84/QĐ-HĐQT | QĐ phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT |
| 14 | 01 | 8 | 88/QĐ-HĐQT | QĐ thành lập tổ thẩm định hồ sơ dự án đầu tư xe ô tô chở CN duy trì SX năm 2023 |
| 15 | 05 | 8 | 93/QĐ-HĐQT | QĐ HĐQT ngày 05/8 phê duyệt BCNCKT+KHLCNT (dự án đầu tư xe ô tô chở CN duy trì SX năm 2023) |
| 16 | 05 | 8 | 94/QĐ-HĐQT | QĐ HĐQT ngày 05/8 phê duyệt chuyển bước DA (dự án đầu tư xe ô tô chở CN duy trì SX năm 2023) |
| 17 | 29 | 12 | 135/QĐ-HĐQT | Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của TKV trong Công ty. |
| 18 | 29 | 12 | 136/QĐ-HĐQT | Quyết định phê duyệt KH đầu tư năm 2023 điều chỉnh. |
| 19 | 29 | 12 | 137/QĐ-HĐQT | Quyết định phê duyệt KH đầu tư năm 2024. |

g

Số: 36/BC-HĐQT

Cầm Phá, ngày 17 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2023
Đề xuất tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2024
(Trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sửa đổi bổ sung thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2023 - Đề xuất tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2024 như sau:

1. Về tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2023:

| TT | Họ và tên | Thành phần | Tiền lương năm 2023 | Thù lao năm 2023 |
|----|-------------------|--|----------------------|--------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT (từ tháng 01-tháng 7/2023) | | 35.980.000 |
| 2 | Phạm Đăng Phú | Chủ tịch HĐQT (từ tháng 8-tháng 12/2023) | | 25.700.000 |
| 3 | Vũ Mạnh Dũng | Thành viên HĐQT/ Giám đốc | 414.960.000 | 52.560.000 |
| 4 | Lương Văn Hiếu | Thành viên HĐQT chuyên trách | 367.920.000 | |
| 5 | Phạm Xuân Phong | Trưởng Ban kiểm soát | | 54.960.000 |
| 6 | Nguyễn Ngọc Thành | Thành viên BKS | | 47.304.000 |
| 7 | Trần Thị Thúy | Thành viên BKS | | 47.304.000 |
| 8 | Hoàng Minh Sơn | Phó Giám đốc | 367.920.000 | |
| 9 | Nguyễn Như Nga | Phó Giám đốc | 275.940.000 | |
| 10 | Đỗ Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 336.000.000 | |
| | Tổng cộng | | 1.762.740.000 | 263.808.000 |

2. Mức tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2024:

| TT | Chức danh | Số lượng (người) | Tiền lương năm 2024 | Thù lao năm 2024 | Ghi chú |
|----|-----------------|------------------|----------------------|--------------------|--------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | | 61.680.000 | Kiểm nhiệm |
| 2 | Thành viên HĐQT | 01 | | 52.560.000 | Kiểm nhiệm |
| 3 | Thành viên HĐQT | 01 | 394.160.000 | | Chuyên trách |
| 4 | Trưởng BKS | 01 | | 54.960.000 | Kiểm nhiệm |
| 5 | Thành viên BKS | 02 | | 94.608.000 | Kiểm nhiệm |
| 6 | Giám đốc | 01 | 444.556.000 | | |
| 7 | Phó giám đốc | 02 | 788.320.000 | | |
| 8 | Kế toán trưởng | 01 | 359.964.000 | | |
| | Tổng số | | 1.987.000.000 | 263.808.000 | |

3. Phương thức chi trả: Hàng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, người quản lý công ty được thanh toán 80% mức tiền lương, thù lao trong tháng đó; số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Trên đây là báo cáo chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2023 - Đề xuất tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS, người quản lý công ty năm 2024. HĐQT Công ty xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của quý vị đại biểu cổ đông. /w

Nơi nhận:

- Tập đoàn (Báo cáo)
- Các cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, viên chức quản lý;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu: VT, TK Công ty.



Phạm Đăng Phú

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin;
- Hội đồng quản trị Công ty.

Tên tôi là: **Lương Văn Hiểu**

Sinh ngày: 06/10/1963

Số Căn cước công dân: 034063005862

Ngày cấp: 22/9/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Hiện là thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin;

Theo quy định, tôi được nghỉ chế độ kể từ ngày 01/11/2024; đồng thời với nguyện vọng cá nhân, tôi xin không đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị kể từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Tôi làm đơn này gửi đến Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin xin từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Tôi sẽ tiếp tục thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị mà Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty giao cho đến khi có văn bản miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với tôi tại Công ty theo quy định của pháp luật.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin xem xét thông qua đơn từ nhiệm của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Cảm Phả, ngày 05 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Lương Văn Hiểu

Số: 37 /TTr-HĐQT

Cám Phả, ngày 23 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc giới thiệu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ-Vinacomin

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số: 29/NQ-HĐQT họp ngày 08/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin.

Căn cứ công văn số: 2225 /TKV-TCNS ngày 19/4/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam V/v kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.

Hội đồng quản trị báo cáo, giới thiệu nhân sự đề Quý vị cổ đông xem xét, bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Nhân sự HĐQT hiện nay tại Công ty:

Hiện tại, thành viên HĐQT Công ty có 03 người, gồm:

(i) Ông Phạm Đăng Phú làm Người đại diện quản lý phần vốn và người đại diện của TKV tham gia HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

(ii) Ông Vũ Mạnh Dũng - Giám đốc Công ty làm Người đại diện của TKV tham gia HĐQT giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty.

(iii) Ông Lương Văn Hiếu - Thành viên HĐQT chuyên trách.

Trong đó, ông Lương Văn Hiếu sinh ngày 06/10/1963, theo quy định đến ngày 01/11/2024, ông Lương Văn Hiếu sẽ nghỉ hưu theo chế độ. Tuy nhiên, ngày 05/3/2024 ông Lương Văn Hiếu có đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT theo nguyện vọng cá nhân.

Để đảm bảo đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ hiện hành của Công ty. HĐQT báo cáo, giới thiệu quý vị cổ đông bầu bổ sung thành viên HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

2. Nhân sự đề xuất:

- Ông Hoàng Minh Sơn

- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1971

- Nơi sinh: Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, khu Hòa Lạc, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét để Đại hội tiến hành các thủ tục bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Phú



THÔNG TIN CHI TIẾT

ỨNG CỬ VIÊN ĐỀ BẦU BỔ SUNG HĐQT TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Ông: HOÀNG MINH SƠN

- Giới tính: Nam
- Số CMTND/ CCCD: 022071002114
 - + Ngày cấp: 01/05/2021;
 - + Do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1971
- Nơi sinh: Cẩm phả Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, khu Hòa Lạc, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 0912272571
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí ô tô
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Phó Giám đốc công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng chứng khoán sở hữu tại tổ chức đăng ký giao dịch:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.073 Chiếm: 0,032% Vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ-VINACOMIN

Số: 572/ĐĐTMM-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cầm Phả, ngày 21 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
V/v Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023
của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin
Tại đại hội thường niên năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin số 29/ĐL-ĐĐTMM được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021; Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin;

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty lập ngày 20 tháng 01 năm 2024 và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Hà Thành số 059/2024/BCKT-HT.00183 lập ngày 20 tháng 3 năm 2024;

Ban Kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin đã được kiểm toán năm 2023 như sau:

- Công ty thực hiện mở sổ, ghi chép, hạch toán kế toán đúng theo Chế độ kế toán của Nhà nước tại thông tư số 200/2012/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017 của Tập đoàn V/v quy định tạm thời về mẫu biểu Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị áp dụng trong TKV.

- Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào thời điểm ngày 31/12/2023 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính năm được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Ban Kiểm soát Công ty nhất trí với các số liệu Báo cáo tài chính của Công ty cũng như nhận xét của Kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán, cụ thể;

1. Số liệu bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31/12/2023:

| TT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|----------|--|------------|------------------------|------------------------|
| A | Tài sản ngắn hạn | 100 | 44.324.206.217 | 37.955.475.275 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3.717.326.247 | 1.636.338.371 |
| 2 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 29.623.336.094 | 24.811.085.872 |
| 3 | Hàng tồn kho | 140 | 5.414.278.814 | 7.591.034.590 |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 5.569.265.062 | 3.917.016.442 |
| B | Tài sản dài hạn | 200 | 200.625.023.396 | 174.317.308.171 |
| 1 | Tài sản cố định | 220 | 183.872.398.659 | 155.907.375.791 |
| | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 183.872.398.659 | 155.907.375.791 |
| 2 | Bất động sản đầu tư | 230 | 6.183.436.963 | 6.587.253.871 |
| 3 | Chi phí XDCB dở dang | 240 | 568.805.601 | 568.805.601 |
| 4 | Tài sản dài hạn khác | 260 | 10.000.382.173 | 11.253.872.908 |
| | Tổng cộng tài sản (270=100+200) | 270 | 244.949.229.613 | 212.272.783.446 |
| C | Nợ phải trả | 300 | 204.266.301.465 | 172.426.572.776 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 310 | 86.661.341.465 | 72.345.772.776 |
| 2 | Nợ dài hạn | 330 | 117.604.960.000 | 100.080.800.000 |
| D | Vốn chủ sở hữu | 400 | 40.682.928.148 | 39.846.210.670 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 40.682.928.148 | 39.846.210.670 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| 2 | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 472.691.257 | 472.691.257 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 2.467.588.042 | 2.467.588.042 |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | 4.944.678.849 | 4.107.961.371 |
| | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 838.812.771 | |
| | Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này | 421b | 4.105.866.078 | 4.107.961.371 |

| TT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|----|--------------------------------------|-------|-----------------|-----------------|
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - |
| | Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400) | 440 | 244.949.229.613 | 212.272.783.446 |

2. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2023:

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|------|-----------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 326.314.319.081 | 334.970.569.701 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 326.314.319.081 | 334.970.569.701 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 269.899.621.152 | 281.901.474.944 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 56.414.697.929 | 53.069.094.757 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 11.043.415 | 8.816.302 |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính | 22 | VI.4 | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| Tr.đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.7 | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 39.520.344.942 | 38.598.709.415 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+26)) | 30 | | 3.800.506.618 | 3.295.677.366 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | 1.437.956.452 | 1.914.504.946 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 10.614.881 | 13.479 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 1.427.341.571 | 1.914.491.467 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=31+40) | 50 | | 5.227.848.189 | 5.210.168.833 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 1.121.982.111 | 1.102.207.462 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | | |

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------|---------------|---------------|
| 17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 4.105.866.078 | 4.107.961.371 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.252 | 656 |

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Các chỉ tiêu tài chính năm 2023 của Công ty, cụ thể:

- Công ty đã bảo toàn được vốn: Vốn chủ sở hữu cuối năm: 40.682.928.148 đồng, trong đó vốn điều lệ 32.797.970.000 đồng, vốn khác của chủ sở hữu 472.691.257 đồng. Quỹ đầu tư phát triển 2.467.588.042 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 4.944.678.849 đồng (Trong đó năm trước là 838.812.771đ, năm nay là 4.105.866.078đ).

- Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH: Năm 2023 là 5,02 lần, tăng 0,69 lần so với thực hiện năm 2022 (năm 2022 là 4,33 lần); TKV phê duyệt năm 2023: 5,24 lần (thấp hơn kế hoạch giao 0,22 lần, đạt kế hoạch TKV giao)

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn: Năm 2023 là: 0,51 lần, giảm 0,01 lần so với thực hiện năm 2022 (năm 2022 là 0,52 lần). TKV phê duyệt năm 2023: 0,55 lần (thấp hơn là 0,04 lần, không đạt kế hoạch TKV giao);

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): năm 2023 thực hiện 1,80%, giảm 0,28% so với cùng kỳ năm 2022 (năm 2022 là: 2,08%)

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE): năm 2023 thực hiện 11,49%, bằng so với cùng kỳ năm 2022 (năm 2022 là: 11,49%)

5. Đánh giá một số chỉ tiêu và hoạt động khác

- Trong năm 2023, sản lượng vận chuyển công nhân đạt so với kế hoạch. Trong năm 2023, do tiêu thụ than tốt nên các mỏ duy trì sản xuất, một số mỏ tăng sản lượng nên sản lượng vận chuyển công nhân ổn định. Mặc dù có nhiều khó khăn, công ty đã có các biện pháp quyết liệt trong chỉ đạo điều hành sản xuất, tăng cường các biện pháp quản lý, tiết kiệm chi phí, quan hệ tốt khách hàng để ký kết các hợp đồng vận chuyển, các tuyến mới, các tuyến kéo dài và sửa chữa xe cho các đơn vị. Qua đó các mặt hoạt động của công ty cơ bản ổn định, chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân mỏ được duy trì tốt, công tác an toàn an ninh trật tự được đảm bảo, thu nhập của người lao động được cải thiện, hoàn thành kế hoạch đề ra. Do vậy đã đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động với mức thu nhập bình quân 10.632 đồng/người/tháng = 113,24% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 5.228 triệu đồng = 100,54% kế hoạch. ✓

Hoàn thành công tác đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất, gồm: Dự án: Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2023, Dự án: đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất năm 2022, Dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023. Công ty đã tổ chức thực hiện công tác đầu tư tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn; giá trị thực hiện của 03 dự án là: 59.822 triệu đồng.

- Công ty đã thực hiện các quy định pháp luật hiện hành trong sản xuất kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Việc nộp các báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định đảm bảo kịp thời, đúng hạn. Việc công bố thông tin các báo cáo theo quy định đúng thời gian, không bị các cơ quan quản lý nhắc nhở về nộp báo cáo và việc công bố thông tin chậm.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón - Vinacomin. Ban kiểm soát công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (B/c);
- HĐQT; Ban GD;
- KTTTr;
- Các TV BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Xuân Phong



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Số: 571/BC-ĐĐTMM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cám Phả, ngày 21 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa Đón thợ mỏ đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2021.

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-HĐQT ngày 06/07/2021 về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.

Căn cứ quyết định số 55/QĐ-HĐQT ngày 06/07/2021 về việc ban hành quy chế quản lý lao động và tiền lương.

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty lập ngày 20/1/2024 và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Hà Thành số 059/2024/BCKT- HT.00183 lập ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ (Công ty) thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được báo cáo Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát đại diện cho các cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, năm 2023 Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ với các nội dung sau:

- Kết hợp cùng với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Hà Thành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và thông qua đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

- Xem xét các báo cáo tài chính hàng kỳ (quý, sáu tháng, chín tháng và cả năm) của Công ty, tư vấn và hướng dẫn công tác quản lý và hạch toán kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Thực hiện kiểm soát công tác quản lý chi phí, tính giá thành và kế toán quản trị trong Công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp và các công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Kiểm soát đề xuất các biện pháp trong công tác quản lý của Công ty:

- Các thành viên của BKS đã nhận được sự tạo điều kiện thuận lợi của HĐQT, Ban Giám đốc, các Phòng Ban để hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC KIỂM SOÁT NĂM 2023

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2023.

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH ĐHCĐ Năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | % |
|------------|----------------------|-----------------|---------------------|-----------------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/4 |
| I | Sản lượng | | | | |
| 1 | Hành khách | HK | 4.300.000 | 4.036.831 | 93,88 |
| 2 | TKm chở công nhân | TKm | 30.000.000 | 33.516.475 | 111,72 |
| 3 | KM vận hành | Km | 11.000.000 | 11.629.884 | 105,72 |
| II | Doanh thu | Tr.Đồng | 294.000 | 327.763 | 111,48 |
| 1 | Vận chuyển CN | " | 272.000 | 301.193 | 110,73 |
| 2 | Sửa chữa xe | " | 20.000 | 24.155 | 120,77 |
| 3 | Thu khác | " | 2.000 | 2.415 | 120,75 |
| III | Chi phí | " | 288.800 | 322.535 | 111,68 |
| IV | Lợi nhuận TT | " | 5.200 | 5.228 | 100,54 |
| V | Lao động BQ | Người | 745 | 702 | 94,22 |
| VI | Tiền lương BQ | 1000đ/ ng.th | 9.389 | 10.632 | 113,23 |

Nhận xét:

- Sản lượng hành khách so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông đạt 93,88% ✓

- Doanh thu SX chính tính lương của Công ty 301.193 triệu đồng/KH 272.000 triệu đồng đạt 110,73% KH. Doanh thu vượt kế hoạch là do sản lượng vận chuyển công nhân ổn định. Thực hiện các chuyến đưa đón công nhân mở về quê ăn Tết. Phục vụ mở chợ du lịch, nghỉ cuối tuần, tham quan, điều dưỡng với các đơn vị trong ngoài TKV.

- Doanh thu sửa chữa bên ngoài đạt 120,77% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao.

- Lợi nhuận đạt 100,54% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao.

II. VỀ TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

| TT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|----------|--|------------|------------------------|------------------------|
| A | Tài sản ngắn hạn | 100 | 44.324.206.217 | 37.955.475.275 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3.717.326.247 | 1.636.338.371 |
| 2 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 29.623.336.094 | 24.811.085.872 |
| 3 | Hàng tồn kho | 140 | 5.414.278.814 | 7.591.034.590 |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 5.569.265.062 | 3.917.016.442 |
| B | Tài sản dài hạn | 200 | 200.625.023.396 | 174.317.308.171 |
| 1 | Tài sản cố định | 220 | 183.872.398.659 | 155.907.375.791 |
| | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 183.872.398.659 | 155.907.375.791 |
| 2 | Bất động sản đầu tư | 230 | 6.183.436.963 | 6.587.253.871 |
| 3 | Chi phí XDCB dở dang | 240 | 568.805.601 | 568.805.601 |
| 4 | Tài sản dài hạn khác | 260 | 10.000.382.173 | 11.253.872.908 |
| | Tổng cộng tài sản (270=100+200) | 270 | 244.949.229.613 | 212.272.783.446 |
| C | Nợ phải trả | 300 | 204.266.301.465 | 172.426.572.776 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 310 | 86.661.341.465 | 72.345.772.776 |
| 2 | Nợ dài hạn | 330 | 117.604.960.000 | 100.080.800.000 |
| D | Vốn chủ sở hữu | 400 | 40.682.928.148 | 39.846.210.670 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 40.682.928.148 | 39.846.210.670 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | |

| TT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|----|--|-------|-----------------|-----------------|
| | | | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| 2 | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 472.691.257 | 472.691.257 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 2.467.588.042 | 2.467.588.042 |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | 4.944.678.849 | 4.107.961.371 |
| | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 838.812.771 | |
| | Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này | 421b | 4.105.866.078 | 4.107.961.371 |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - |
| | Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400) | 440 | 244.949.229.613 | 212.272.783.446 |

1. Đánh giá nhận xét qua một số chỉ tiêu:

1.1. Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn

Năm 2022: 37.955 tr đồng / 72.345 Tr. đồng = 0,52 lần

Năm 2023: 44.324 tr đồng / 86.661 Tr. đồng = 0,51 lần

Nhận xét: năm 2023 giảm 0,01 lần so với thực hiện năm 2022.

TKV phê duyệt năm 2023: 0,55 lần (thấp hơn kế hoạch giao là 0,04 lần);

1.2. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu

Năm 2022: 172.426 tr đồng / 39.846 Tr. đồng = 4,33 lần

Năm 2023: 204.266 tr đồng / 40.683 Tr. đồng = 5,02 lần

Nhận xét: Năm 2023 tăng 0,69 lần so với thực hiện năm 2022.

TKV phê duyệt năm 2023: 5,24 lần (thấp hơn kế hoạch giao 0,22 lần)

1.3. Hiệu quả sử dụng tổng nguồn vốn (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản

Năm 2022: 4.108 tr đồng / 197.649 Tr. đồng = 2,08%

Năm 2023: 4.106 tr đồng / 228.611 Tr. đồng = 1,80%

Nhận xét: năm 2023 thực hiện 1,80%, giảm 0,28% so với cùng kỳ năm 2022.

1.4. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu

Năm 2022: 4.108 tr đồng / 35.738 trđồng = 11,49%

Năm 2023: 4.106 tr đồng / 35.738 trđồng = 11,49%

Nhận xét: năm 2023 thực hiện 11,49%, bằng so với cùng kỳ năm 2022. ✓

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-------|-----------------|-----------------|
| TỔNG DOANH THU (01+21+31) | | 327.763.318.948 | 336.893.890.949 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 326.314.319.081 | 334.970.569.701 |
| 1. Doanh thu thuần | 10 | 326.314.319.081 | 334.970.569.701 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 11 | 269.899.621.152 | 281.901.474.944 |
| 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-11) | 20 | 56.414.697.929 | 53.069.094.757 |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 11.043.415 | 8.816.302 |
| 5. Chi phí tài chính | 22 | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| Tr.đó: Chi phí lãi vay | 23 | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| 6. Chi phí bán hàng | 25 | - | - |
| 7. Chi phí quản lý DN | 26 | 39.520.344.942 | 38.598.709.415 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (20+21-22-25-26) | 30 | 3.800.506.618 | 3.295.677.366 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | 1.437.956.452 | 1.914.504.946 |
| 10. Chi phí khác | 32 | 10.614.881 | 13.479 |
| 11. Lợi nhuận khác (31-32) | 40 | 1.427.341.571 | 1.914.491.467 |
| 12. Tổng lợi nhuận trước thuế (30+40) | 50 | 5.227.848.189 | 5.210.168.833 |
| 13. Thuế Thu nhập DN hiện hành | 51 | 1.121.982.111 | 1.102.207.462 |
| 14. Lợi nhuận sau thuế (50-51) | 60 | 4.105.866.078 | 4.107.961.371 |

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

| CÁC KHOẢN THU NỘP | SỐ ĐẦU NĂM | SỐ PHẢI NỘP | SỐ ĐÃ NỘP | SỐ CÒN PHẢI NỘP |
|----------------------------------|---------------|----------------|----------------|-----------------|
| Các loại thuế | 2.281.828.729 | 13.967.252.492 | 16.032.980.077 | 216.101.144 |
| 1. Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.084.975.919 | 12.008.409.652 | 13.093.385.571 | 0 |
| 2. Tiền thuế đất | | | | |
| 3. Thuế thu nhập DN | 1.102.207.462 | 1.121.982.111 | 2.030.558.060 | 193.631.513 |
| 4. Thuế thu nhập cá nhân | 94.645.348 | 409.999.897 | 482.175.614 | 22.469.631 |
| 5. Thuế môn bài | | 3.000.000 | 3.000.000 | |
| 6. Thuế nhà đất và tiền thuê đất | | 423.860.832 | 423.860.832 | |
| Các khoản nộp khác | | | | 0 |
| 1. Truy thu thuế | | 10.408.148 | 10.408.148 | |
| 2. Nộp phạt thuế | | | | |
| Tổng cộng | 2.281.828.729 | 13.977.660.640 | 16.043.388.225 | 216.101.144 |

4. Về quỹ tiền lương.

Quỹ tiền lương năm 2023 như sau:

| TT | Nội dung | Số tiền (đồng) |
|----|--------------------------|----------------|
| 1 | Số dư đầu năm 01/01/2023 | 12.066.121.814 |
| 2 | Số tăng trong năm 2023 | 95.238.345.193 |
| 3 | Số thực chi năm 2023 | 92.566.154.117 |
| 4 | Số dư cuối kỳ 31/12/2023 | 14.738.312.890 |

Trong năm 2024 Công ty đã chi tiền lương còn kết dư của năm 2023 là: 14.056.996.241 đồng. Số tiền còn kết dư chuyển sang năm 2024 là: 681.316.649 đồng.

+ Đơn giá tiền lương SX chính: Công ty thực hiện 290đ/1.000đ Doanh thu so với đơn giá KH 290đ/1000đ doanh thu bằng 100% KH.

+ Đơn giá tiền lương SX khác: Công ty thực hiện theo quyết toán.

5. Về công tác quản lý TS, khấu hao TSCĐ và sửa chữa lớn TSCĐ

5.1 Về TSCĐ:

Tổng tài sản tăng trong năm 53,46 Tr.đ

5.2 Khấu hao TSCĐ

Công ty thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

5.3 Về sửa chữa lớn:

- Kế hoạch sửa chữa: 6.440 Tr.đ
- Thực hiện: 6.059 Trđ, đạt 94,08%

6. Về công tác quản lý vật tư:

Tồn kho vật tư số đầu năm là 7.591 tr.đ, số cuối năm 5.414 tr.đ giảm 2.177 tr.đ.

Công ty đã thực hiện theo đúng quyết định số 768/QĐ-ĐĐTMM ngày 17/5/2023 về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư và Quy định số 19/QĐ/ĐĐTMM ngày 30/11/2016 về việc quản lý mua bán và nghiệm thu nhiên liệu khi kết thúc ca, ngày sản xuất.

7. Về công nợ phải thu, phải trả:

- Công nợ phải thu khách hàng đầu năm 21.704 tr.đ, cuối năm 27.739 tr.đ tăng 6.035 tr.đ, Công ty cần tích cực đối chiếu, thanh toán với khách hàng và thu hồi công nợ, giảm các khoản công nợ phải trả để giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

- Công nợ phải trả đầu năm 172.427 tr.đ, cuối năm 204.266 tr.đ tăng 31.839 tr.đ, trong đó nợ ngắn hạn tăng 14.315 trđ, nợ dài hạn tăng 17.524 tr.đ.

- Công ty đã có biên bản đối chiếu công nợ tỷ lệ 100%.

8. Về công tác đầu tư:

Trong năm 2023, Công ty đã đầu tư:

+ Dự án đầu tư xe ô tô chở công nhân năm 2023 với tổng giá trị quyết toán: là 56.785 Trđ.

+ Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023: là 1.231 triệu đồng

+ Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022: là 1.806 triệu đồng

Công ty đã thực hiện theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

III. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tổng số vốn theo điều lệ: 32.797.970.000 đ
 Trong đó: - Tập đoàn VINACOMIN 31.238.090.000 đ (95,24%)
 - Vốn góp của các cổ đông khác: 1.559.880.000 đ (4,76%)

| TT | Nội dung | Số tiền |
|----|---|---------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 5.227.848.189 |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp | 1.121.982.111 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế: | 4.105.866.078 |
| 4 | LNST chưa phân phối năm 2022: | 838.812.771 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại để trích lập các quỹ. trả cổ tức: | |
| A | - Trả cổ tức: (4%) | 1.311.918.800 |

| | | |
|---|---|---------------|
| | Trong đó: + Cổ tức cổ phần vốn Nhà nước | 1.249.523.600 |
| | + Cổ tức cổ phần phổ thông | 62.395.200 |
| B | - Trích lập Quỹ Dự phòng tài chính | - |
| C | - Trích lập Quỹ bổ sung vốn điều lệ | - |
| D | Trích các quỹ | 3.632.760.049 |
| | - Trích Quỹ đầu tư phát triển | 838.184.183 |
| | - Quỹ khen thưởng; phúc lợi | 2.647.680.866 |
| | - Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành 1,0 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2023 (Công ty tự đánh giá là xếp loại B) | 146.895.000 |

Quỹ thưởng viên chức quản lý căn cứ vào xếp loại doanh nghiệp năm 2023. Nếu công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện; Xếp loại B được trích 1,0 tháng lương; xếp loại C thì không được trích. Công ty tự đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2023 Công ty xếp loại B và trích 1,0 tháng lương; Trường hợp Chủ sở hữu xếp loại khác so với Công ty tự đánh giá xếp loại thì Công ty thực hiện theo quy định.

IV. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc

Trong năm 2023, HĐQT đã đề ra các mục tiêu cơ bản, chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và giám sát quá trình hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT theo đó Ban điều hành có những quyết định kịp thời góp phần mang lại hiệu quả và lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

Đối với HĐQT:

Trong năm 2023 HĐQT Công ty đã ban hành: 20 biên bản, 28 nghị quyết, 19 quyết định. (Có báo cáo kèm theo)

Các văn bản trên nội dung chủ yếu về thông qua Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án: Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2023, Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023; Ban hành nghị quyết bầu Chủ tịch HĐQT; Nghị quyết bổ nhiệm lại Kế toán trưởng, trưởng phòng An toàn Bảo vệ, trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư; Ban hành quy chế kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu trong công ty; ĐHCĐ thường niên năm 2023; Ban hành quy chế quản lý tài chính; Ban hành quy chế quản lý đầu tư xây dựng; ban hành quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Như Nga giữ chức vụ Phó giám đốc công ty; Ban hành quyết định phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT; Ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của TKV trong công ty.

- HĐQT công ty đã tuân thủ pháp luật, đúng Điều lệ khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời, đảm bảo nguyên tắc làm việc tập trung dân chủ trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Công ty.

- HĐQT thực hiện đúng chức năng giám sát các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý và phối hợp với BKS Công ty, hệ thống kiểm toán để kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Đối với Ban Giám đốc:

- Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, các mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT Công ty và thực hiện chế độ tài chính của Nhà nước.

- Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ Luật pháp Nhà nước, các quy định của cơ quan chức năng và quy định của Công ty để thực hiện tốt kế hoạch SXKD của Công ty, nâng cao chất lượng phục vụ. chất lượng sửa chữa, phát triển nguồn nhân lực, phòng ngừa và quản lý tốt rủi ro và quản lý tốt công tác an toàn, không để xảy ra tai nạn lao động, đảm bảo an toàn vận chuyển công nhân.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban Giám đốc.

Trong năm HĐQT đã giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và phối hợp với ban kiểm soát để chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ SXKD của Công ty. Phối hợp chặt chẽ thường xuyên với Đảng bộ Công ty để lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Có mối quan hệ với Ban kiểm soát và Ban kiểm soát cũng được cung cấp đầy đủ tài liệu các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thường xuyên cung cấp thông tin đến HĐQT và Ban Giám đốc các phòng ban quản lý góp phần hoàn thiện công tác quản lý SXKD ngày càng tốt hơn.

V. Phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Ban kiểm soát.

1. Phương hướng chung:

- Tiếp tục phát huy vai trò của BKS: Thực hiện quyền thay mặt cổ đông để giám sát, kiểm soát hoạt động của HĐQT, BGĐ; hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế tổ chức hoạt động của BKS và các quy định khác có liên quan;

- Ban kiểm soát phấn đấu nghiên cứu, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn rộng hơn để đảm bảo hoạt động của BKS vừa có tính tư vấn, giám sát bảo vệ tối đa lợi ích của các cổ đông và không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu tài liệu để tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp đột xuất liên quan trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và có các ý kiến phát biểu, đóng góp kịp thời;

- Giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các quy chế, quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty ban hành;

- Kiểm soát việc thực hiện quỹ tiền lương, thực hiện lao động, thu nhập và thực hiện quyền lợi của người lao động và các hoạt động khác theo Biên bản nghị quyết Hội nghị người lao động hàng năm và Biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

- Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Công ty.

- Bố trí thời gian cao nhất tham gia cùng bộ phận kiểm toán và bộ phận khác thực hiện một số cuộc kiểm tra theo kế hoạch đã lập nhằm hạn chế chồng chéo trong công tác kiểm tra đối với đơn vị.

Trên đây là những nội dung chủ yếu của Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Các PGĐ, KTT;
- Các TV BKS;
- Lưu VT. Thư ký Cty.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Xuân Phong

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Số: 570/TTTr-ĐĐTMM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cám Phả, ngày 21 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty CP Vận tải và ĐĐTMM - Vinacomin.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 64/2004/TT-BTC ngày 29 tháng 06 năm 2004 của Bộ Tài Chính v/v " Kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính hàng năm của các Doanh nghiệp bao gồm: Công ty Cổ phần, Cty TNHH..."

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Để đảm bảo hoạt động của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành. Ban Kiểm soát Công ty xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

I. Đề xuất về tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có chức năng theo quy định của Pháp luật và được Bộ Tài chính chấp thuận thuộc danh sách những đơn vị có đủ điều kiện để thực hiện kiểm toán cho các Doanh nghiệp;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên thường trực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;

- Không có quan hệ mua bán cổ phần, tài sản hoặc góp vốn với Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin;

- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ của kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét giá chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán;

II. Đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn danh sách công ty kiểm toán độc lập có đủ năng lực dưới đây cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 bao gồm cả soát xét bán niên độ (từ 01/01/2024 đến 30/6/2024) của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

- Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

- Người đại diện: Ông Nguyễn Trung Thành - Giám đốc

- Điện thoại: 024 3837 3666

- Website: <https://pkf.afcvietnam.vn>

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

- Người đại diện: Ông Nguyễn Việt Long - Phó Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 024 868 9566

- Website: <https://kiemtoanava.com.vn>

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam

- Địa chỉ: 147 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- Người đại diện: Ông Lê Duy Trung - Phó Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 024 3795 5353

- Website: <https://www.rsm.global/vietnam>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TK Cty;
- Lưu: Ban KS, TC-NS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Xuân Phong



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOANG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT
TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Hôm nay, ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin, Ban kiểm phiếu chúng tôi gồm những người có tên sau:

1. Ông: Đỗ Ngọc Sơn - Trưởng ban
2. Ông: Đỗ Ngọc Khánh - Thành viên
3. Bà : Nguyễn Thị Nhung - Thành viên

Đã tổ chức bầu bổ sung thành viên HĐQT công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin nhiệm kỳ 2021-2026 theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

I. Trình tự

- Tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 có 05 (năm) cổ đông, đại diện cho 316 cổ đông với 3.192.540 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 97,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu phát ra: 05 phiếu
- Số phiếu thu về: 05 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu bầu hợp lệ : 05 phiếu

II. Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026

- Số phiếu bầu thành viên HĐQT Công ty đối với ông Hoàng Minh Sơn là: 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.


Biên bản này có 01 trang (một) trang, được lập thành 02 (hai) bản vào lúc 10 giờ 10 phút cùng ngày và đã được tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung Biên bản. Đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ra trước Đại hội. Ban kiểm phiếu bàn giao lại toàn bộ các phiếu bầu và Biên bản cho Chủ tọa Đại hội.

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN

1. Đỗ Ngọc Khánh 



2. Nguyễn Thị Nhung 

Đỗ Ngọc Sơn



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT THÔNG QUA
CÁC NỘI DUNG TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Hôm nay, ngày 25 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin đã tín nhiệm bầu Ban kiểm phiếu chúng tôi gồm những người có tên sau:

1. Ông: Đỗ Ngọc Sơn - Trưởng ban
2. Ông: Đỗ Ngọc Khánh - Thành viên
3. Bà : Nguyễn Thị Nhung - Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình nghị sự của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết:

- Tham gia biểu quyết có 05 (năm) cổ đông, đại diện cho 316 cổ đông với 3.192.540 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 97,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết phát ra là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết thu về là: 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 05 phiếu
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.

I. Kết quả bầu Chủ tọa Đại hội, Ban kiểm phiếu:

1. Bầu Chủ tọa Đại hội:

- Số thẻ biểu quyết hợp lệ : 05 thẻ
- Số thẻ biểu quyết không hợp lệ: 0 thẻ

2. Bầu Ban kiểm phiếu:

- Số thẻ biểu quyết hợp lệ : 05 thẻ
- Số thẻ biểu quyết không hợp lệ: 0 thẻ

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết theo các nội dung tại Đại hội:

Nội dung 1: Thông qua báo cáo về kết quả SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024.

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Nội dung 2: Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Nội dung 3: Thông qua báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2023.

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Nội dung 4: Thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.

- Số phiếu không có quyền biểu quyết: 01 phiếu đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam với số lượng cổ phần: 3.123.809 chiếm 97,84% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp không tham gia biểu quyết do là bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.

- Số phiếu có quyền biểu quyết: 04 phiếu đại diện cho 68.731 cổ phần chiếm 2,15% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

* Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 04 phiếu, đại diện cho 2,15% cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Nội dung 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Nội dung 6: Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023, người quản lý năm 2023- Đề xuất mức tiền lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS người quản lý năm 2024.

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Nội dung 7: Thông qua đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Lương Văn Hiếu.

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Nội dung 8: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát.

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.



Nội dung 9: Thông qua việc lựa chọn danh sách công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Nội dung 10: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

- Số phiếu biểu quyết tán thành : 05 phiếu, đại diện cho 3.192.540 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100% số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Biên bản này gồm 03 trang (ba) trang, được lập thành 02 (hai) bản vào lúc 11 giờ 15 phút cùng ngày và đã được tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản. Đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ra trước Đại hội. Ban kiểm phiếu bàn giao lại toàn bộ các phiếu biểu quyết và Biên bản cho Chủ tọa Đại hội.

CÁC THÀNH VIÊN



1. Đỗ Ngọc Khánh



2. Nguyễn Thị Nhung

TRƯỞNG BAN



Đỗ Ngọc Sơn



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 9 - 10 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính | 11 - 36 |

03004
KI
AFC
- C
H
SA Đ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 5700477326 ngày 04/01/2023.

Công ty có trụ sở tại: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | | |
|----------------------|---------------|-------------------------|
| Ông Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | (i): Đến ngày 31/7/2023 |
| Ông Phạm Đăng Phú | Chủ tịch HĐQT | (ii): Từ ngày 01/8/2023 |
| Ông Lương Văn Hiếu | Ủy viên | |
| Ông Vũ Mạnh Dũng | Ủy viên | |

Ban Giám đốc

| | | |
|--------------------|--------------|--------------------------|
| Ông Vũ Mạnh Dũng | Giám đốc | |
| Ông Hoàng Minh Sơn | Phó Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Như Nga | Phó Giám đốc | (iii): Từ ngày 06/4/2023 |

Ban kiểm soát

| | | |
|-----------------------|------------|--|
| Ông Phạm Xuân Phong | Trưởng ban | |
| Ông Nguyễn Ngọc Thành | Ủy viên | |
| Bà Trần Thị Thúy | Ủy viên | |

(i): Theo Nghị Quyết số 80/NQ-HĐQT ngày 01/08/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.
(ii): Theo Nghị Quyết số 80/NQ-HĐQT ngày 01/08/2023 của Hội đồng quản trị Công ty
(iii): Theo Quyết định số 523/QĐ-ĐĐTĐM ngày 06/04/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 36, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



VŨ MẠNH DŨNG
GIÁM ĐỐC

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

5-Q
TY
KH
TOÁN
HÀ
HÀNH
T. S



Số: 059/2024/BCKT-HT.00183

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomín.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomín được lập ngày 20 tháng 3 năm 2024, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomín có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomín, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 17/3/2023.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2024

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4018-2022-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Mẫu số B01 - DN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn,
 TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 44.324.206.217 | 37.955.475.275 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 3.717.326.247 | 1.636.338.371 |
| Tiền | 111 | | 3.717.326.247 | 1.636.338.371 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 29.623.336.094 | 24.811.085.872 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 27.738.664.068 | 21.703.667.864 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 150.364.061 | 189.170.100 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.3 | 1.734.307.965 | 2.918.247.908 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.4 | 5.414.278.814 | 7.591.034.590 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 5.414.278.814 | 7.591.034.590 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5.569.265.062 | 3.917.016.442 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.6 | 3.326.078.077 | 3.897.945.289 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.076.335.399 | 19.071.153 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.11 | 166.851.586 | - |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 200.625.023.396 | 174.317.308.171 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 183.872.398.659 | 155.907.375.791 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.8 | 183.872.398.659 | 155.907.375.791 |
| - Nguyên giá | 222 | | 528.348.647.712 | 503.903.753.176 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (344.476.249.053) | (347.996.377.385) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 5.7 | 6.183.436.963 | 6.587.253.871 |
| - Nguyên giá | 231 | | 9.091.045.792 | 9.091.045.792 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | (2.907.608.829) | (2.503.791.921) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 568.805.601 | 568.805.601 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.5 | 568.805.601 | 568.805.601 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 10.000.382.173 | 11.253.872.908 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.6 | 10.000.382.173 | 11.253.872.908 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 244.949.229.613 | 212.272.783.446 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 204.266.301.465 | 172.426.572.776 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 86.661.341.465 | 72.345.772.776 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.10 | 17.398.437.698 | 15.076.130.480 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.11 | 216.101.144 | 2.281.828.729 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 14.738.312.890 | 12.066.121.814 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.12 | 108.678.962 | 63.138.739 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.13 | 82.047.421 | 358.358.542 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.9 | 54.117.763.350 | 42.500.194.472 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | 117.604.960.000 | 100.080.800.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.9 | 117.604.960.000 | 100.080.800.000 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 40.682.928.148 | 39.846.210.670 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.14 | 40.682.928.148 | 39.846.210.670 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 472.691.257 | 472.691.257 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 2.467.588.042 | 2.467.588.042 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 4.944.678.849 | 4.107.961.371 |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 838.812.771 | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 4.105.866.078 | 4.107.961.371 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 244.949.229.613 | 212.272.783.446 |

Người lập biểu

Phan Thị Dung

Kế toán trưởng

Đỗ Thanh Tùng

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



Vũ Mạnh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 326.314.319.081 | 334.970.569.701 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 326.314.319.081 | 334.970.569.701 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 269.899.621.152 | 281.901.474.944 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 56.414.697.929 | 53.069.094.757 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 11.043.415 | 8.816.302 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.7 | 39.520.344.942 | 38.598.709.415 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.800.506.618 | 3.295.677.366 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.5 | 1.437.956.452 | 1.914.504.946 |
| Chi phí khác | 32 | 6.6 | 10.614.881 | 13.479 |
| Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 1.427.341.571 | 1.914.491.467 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 5.227.848.189 | 5.210.168.833 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.9 | 1.121.982.111 | 1.102.207.462 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | 4.105.866.078 | 4.107.961.371 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.10 | 1.252 | 656 |

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phan Thị Dung

Đỗ Thanh Tùng

Vũ Mạnh Dũng

0448
CƠ
T
KIỂM
RC V
- CHI
HÀ
DINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 5.227.848.189 | 5.210.168.833 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 25.902.443.296 | 23.391.812.567 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.397.422.843) | (1.824.487.414) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 42.837.758.426 | 37.961.018.264 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (7.036.366.054) | 1.972.194.376 |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 2.176.755.776 | (918.002.472) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 8.693.981.821 | 1.368.684.691 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.825.357.947 | (313.647.910) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (13.104.889.784) | (11.183.524.278) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (2.030.558.060) | (209.156.188) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (2.530.486.984) | (3.414.324.667) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 30.831.553.088 | 25.263.241.816 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (58.015.598.133) | (56.350.053.478) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | 1.424.179.428 | 1.815.671.112 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 11.043.415 | 8.816.302 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (56.580.375.290) | (54.525.566.064) |

195-6
 CÔNG TY
 TNHH
 KIỂM TOÁN
 VIỆT
 NHÀ
 HÀN
 - T.3

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn,
TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 7.1 | 165.920.840.176 | 115.278.034.567 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 7.2 | (136.779.111.298) | (86.000.931.987) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (1.311.918.800) | (62.395.200) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 27.829.810.078 | 29.214.707.380 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 50 | | 2.080.987.876 | (47.616.868) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 60 | | 1.636.338.371 | 1.683.955.239 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 5.1 | 3.717.326.247 | 1.636.338.371 |

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phan Thị Dung

Đỗ Thanh Tùng

Vũ Mạnh Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 5700477326 ngày 04/01/2023.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là: Đưa đón thợ mỏ; vận tải hành khách công cộng; sửa chữa thiết bị vận tải. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Công ty

Công ty có trụ sở tại: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, số lượng cán bộ nhân viên của Công ty là 703 người, trong đó số cán bộ quản lý là 104 người (Tại ngày 31/12/2022 là 708 người, trong đó số cán bộ quản lý là 102 người).

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Các chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa và vật kiến trúc | 06 - 35 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 08 năm |

4.6 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản). Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

AAE
CỔ
T
KIẾT
C V
CHI
HÀ
VN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: Cước đàm thoại; Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

796
NG
NH
T
L
NH
TH
1-7

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

006
TY
I
AN
NA
ANH
NH
P P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi bán hàng trả chậm được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi chênh lệch tỷ giá và lãi thu được do khách hàng chậm thanh toán căn cứ trên hợp đồng và biên bản xác nhận với khách hàng.

4.16 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong năm tài chính.

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Dịch vụ cho thuê nhà 10%
- Cước vận chuyển và các dịch vụ khác: 10%.

Từ ngày 01/7/2023 đến 31/12/2023 Doanh thu cước vận chuyển và các dịch vụ khác của công ty áp dụng thuế suất là 8% theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của chính phủ.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 618.867.354 | 373.530.962 |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.098.458.893 | 1.262.807.409 |
| Các khoản tương đương tiền | - | - |
| Cộng | 3.717.326.247 | 1.636.338.371 |

5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Tuyển Than Hòn Gai | 4.354.098.329 | 1.041.019.818 |
| Công ty Than Hạ Long - TKV | 1.465.195.148 | 3.346.816.907 |
| Công ty Xây lắp mỏ - TKV | 2.433.972.884 | 2.315.929.795 |
| Công ty Than Nam Mẫu - TKV | 3.058.656.669 | 2.619.645.024 |
| Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 1.906.930.502 | 1.870.658.122 |
| Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin | 2.192.423.617 | 664.743.137 |
| Công ty Than Uông Bí -TKV | 2.233.151.392 | 869.472.172 |
| Công ty Cổ phần than Hà Tu - Vinacomin | 1.480.750.799 | 256.376.570 |
| Công ty Cổ phần than Đèo nai | 1.078.959.506 | 57.491.415 |
| Công ty Cổ phần than Cọc sáu | 1.082.578.162 | 350.607.989 |
| Đối tượng khác | 6.451.947.060 | 8.310.906.915 |
| Cộng | 27.738.664.068 | 21.703.667.864 |

5.3. Phải thu khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ngắn hạn | 1.734.307.965 | - | 2.918.247.908 | - |
| Phải thu cán bộ công nhân viên | 611.404.414 | - | 537.142.330 | - |
| Ký cược ký quỹ | 658.200.000 | - | 730.764.000 | - |
| Phí sử dụng thương hiệu Vinacomin | - | - | 606.699.463 | - |
| Phải thu khác | 464.703.551 | - | 1.043.642.115 | - |
| Dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 1.734.307.965 | - | 2.918.247.908 | - |

5.4. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm (VND) | | Số đầu năm (VND) | |
|-----------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.788.662.885 | - | 6.636.252.596 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 625.615.929 | - | 954.781.994 | - |
| Cộng | 5.414.278.814 | - | 7.591.034.590 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Gốc vay ngắn hạn | 27.731.763.350 | 27.731.763.350 | 122.010.680.176 | 116.103.111.298 | 21.824.194.472 | 21.824.194.472 |
| 1 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả (1) | 5.637.372.382 | 5.637.372.382 | 39.606.410.603 | 44.736.052.322 | 10.767.014.101 | 10.767.014.101 |
| 2 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (2) | 11.172.671.920 | 11.172.671.920 | 59.581.555.907 | 59.466.064.358 | 11.057.180.371 | 11.057.180.371 |
| 3 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả (3) | 10.921.719.048 | 10.921.719.048 | 22.822.713.666 | 11.900.994.618 | - | - |
| b) Gốc vay dài hạn | 143.990.960.000 | 143.990.960.000 | 43.910.160.000 | 20.676.000.000 | 120.756.800.000 | 120.756.800.000 |
| Từ 5 năm đến 10 năm | 143.990.960.000 | 143.990.960.000 | 43.910.160.000 | 20.676.000.000 | 120.756.800.000 | 120.756.800.000 |
| 1 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả (4) | 11.280.000.000 | 11.280.000.000 | - | 8.212.000.000 | 19.492.000.000 | 19.492.000.000 |
| 2 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (5) | 43.910.160.000 | 43.910.160.000 | 43.910.160.000 | - | - | - |
| 3 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (6) | 88.800.800.000 | 88.800.800.000 | - | 12.464.000.000 | 101.264.800.000 | 101.264.800.000 |
| Cộng | 171.722.723.350 | 171.722.723.350 | 165.920.840.176 | 136.779.111.298 | 142.580.994.472 | 142.580.994.472 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

| | Số cuối năm (VND) | | Số đầu năm (VND) | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC | 26.386.000.000 | 26.386.000.000 | 20.676.000.000 | 20.676.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả | 8.242.000.000 | 8.242.000.000 | 8.212.000.000 | 8.212.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long | 5.680.000.000 | 5.680.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh | 12.464.000.000 | 12.464.000.000 | 12.464.000.000 | 12.464.000.000 |
| d. Số dư tại thời điểm lập BCTC | 171.722.723.350 | 171.722.723.350 | 142.580.994.472 | 142.580.994.472 |
| d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c) | 54.117.763.350 | 54.117.763.350 | 42.500.194.472 | 42.500.194.472 |
| d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c) | 117.604.960.000 | 117.604.960.000 | 100.080.800.000 | 100.080.800.000 |

- (1) Hợp đồng tín dụng số 802005731032/2023 - HĐCVHM/NHCT302-ĐĐTĐM ngày 01/6/2023 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 5.637.372.382 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HDNT/NTQN-VTDDTM ngày 20/6/2023 với Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay tối đa không quá 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 11.172.671.920 đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2023/482431/HDTD ngày 16/10/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay tối đa không quá 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 10.921.719.048 đồng.
- (4) Bao gồm:
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2016/482431/HĐTĐ ngày 11/01/2016 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 2.638.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/482431/HĐTD ngày 26/7/2019 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 4.772.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/482431/HĐTD ngày 31/12/2019 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 3.870.000.000 đồng.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 01/2023/482431/HĐTD ngày 21/9/2023 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 43.910.016.000 đồng.
- (6) Bao gồm:
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/HDNT/NTQN-VTDDTM ngày 22/9/2020 với Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 19.945.000.000 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2021/HDNT/NTQN-VTDDTM ngày 20/4/2021 với Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 26.645.000.000 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2022/HDNT/NTQN-VTDDTM ngày 13/5/2022 với Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 42.210.800.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh | 2.699.491.756 | 2.699.491.756 | 1.974.305.480 | 1.974.305.480 |
| Công ty TNHH Công nghệ và thương mại Phúc Thái | 1.230.910.246 | 1.230.910.246 | - | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ và Phân phối Toàn Cầu | - | - | 1.792.286.000 | 1.792.286.000 |
| Công ty Cổ phần Việt Ý Quảng Ninh | 1.735.337.600 | 1.735.337.600 | - | - |
| Công ty TNHH Lốp xe PT | - | - | 1.565.560.120 | 1.565.560.120 |
| Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả | 2.802.508.944 | 2.802.508.944 | 3.259.026.341 | 3.259.026.341 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Quang Trang | 1.445.829.475 | 1.445.829.475 | - | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đức Đông | 1.625.108.145 | 1.625.108.145 | - | - |
| Các đối tượng khác | 5.859.251.532 | 5.859.251.532 | 6.484.952.539 | 6.484.952.539 |
| Cộng | 17.398.437.698 | 17.398.437.698 | 15.076.130.480 | 15.076.130.480 |

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|---|----------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.084.975.919 | 12.008.409.652 | 13.093.385.571 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.102.207.462 | 1.121.982.111 | 2.030.558.060 | 193.631.513 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 94.645.348 | 409.999.897 | 482.175.614 | 22.469.631 |
| Tiền thuê đất | - | 423.860.832 | 423.860.832 | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 13.408.148 | 13.408.148 | - |
| Cộng | 2.281.828.729 | 13.977.660.640 | 16.043.388.225 | 216.101.144 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải thu

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|---------------|------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tiền thuê đất | - | - | 166.851.586 | 166.851.586 |
| Cộng | - | - | 166.851.586 | 166.851.586 |

5.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Cước đàm thoại | 9.254.962 | 8.004.739 |
| Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty | 99.424.000 | 55.134.000 |
| Cộng | 108.678.962 | 63.138.739 |

5.13. Phải trả khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 82.047.421 | 358.358.542 |
| Kinh phí công đoàn | 18.170.600 | 32.439.440 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 63.876.821 | 325.919.102 |
| Dài hạn | - | - |
| Cộng | 82.047.421 | 358.358.542 |

1995
 CÔNG
 TNHH
 M T
 VIỆT
 HI NI
 A TH
 VH -

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

| | | | |
|-----|---|------------------------------|------------------------------|
| b) | Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | | |
| | | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| | | VND | VND |
| | Vốn góp của Nhà nước | 31.238.090.000 | 31.238.090.000 |
| | Vốn góp của đối tượng khác | 1.559.880.000 | 1.559.880.000 |
| | Cộng | <u>32.797.970.000</u> | <u>32.797.970.000</u> |
| c) | Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận | | |
| | | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| | | VND | VND |
| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| | + Vốn góp đầu năm | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| | + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| | + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| | + Vốn góp cuối kỳ | 32.797.970.000 | 32.797.970.000 |
| d) | Cổ phiếu | | |
| | | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| | | VND | VND |
| | Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.279.797 | 3.279.797 |
| | Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.279.797 | 3.279.797 |
| | + Cổ phiếu phổ thông | 3.279.797 | 3.279.797 |
| | + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| | Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| | + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| | + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| | Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.279.797 | 3.279.797 |
| | + Cổ phiếu phổ thông | 3.279.797 | 3.279.797 |
| | + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| (*) | Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu | | |
| đ) | Cổ tức | | |
| | Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính: | | |
| | + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh | | |
| | + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh | | |
| | Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh | | |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------------|------------------------|
| a) Doanh thu | | |
| Doanh thu dịch vụ vận chuyển | 301.192.674.266 | 304.633.806.563 |
| Doanh thu sửa chữa phương tiện vận tải | 24.154.597.664 | 29.122.408.412 |
| Doanh thu khác | 967.047.151 | 1.214.354.726 |
| Cộng | 326.314.319.081 | 334.970.569.701 |
| | Năm nay VND | Năm trước VND |
| b) Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem chi tiết tại Phụ biểu 02) | 322.785.948.672 | 329.228.962.316 |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn dịch vụ vận chuyển | 245.270.034.665 | 252.442.440.574 |
| Giá vốn sửa chữa phương tiện vận tải | 23.930.308.641 | 28.909.018.583 |
| Giá vốn khác | 699.277.846 | 550.015.787 |
| Cộng | 269.899.621.152 | 281.901.474.944 |

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------|-------------------|------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 11.043.415 | 8.816.302 |
| Cộng | 11.043.415 | 8.816.302 |

6.4. Chi phí tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền vay | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |
| Cộng | 13.104.889.784 | 11.183.524.278 |

6.5. Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 1.386.379.428 | 1.815.671.112 |
| Các khoản khác | 51.577.024 | 98.833.834 |
| Cộng | 1.437.956.452 | 1.914.504.946 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.6. Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------|-------------------|------------------|
| Các khoản bị phạt | 10.408.148 | 252 |
| Các khoản khác | 206.733 | 13.227 |
| Cộng | 10.614.881 | 13.479 |

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 19.943.022.096 | 19.224.211.206 |
| Chi phí vật liệu | 1.615.618.146 | 1.703.804.725 |
| Chi phí công dụng dụng cụ quản lý | 54.109.095 | 25.789.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 652.898.537 | 619.654.251 |
| Thuế, phí và lệ phí | 426.860.832 | 593.712.418 |
| Chi phí mua ngoài | 3.837.307.819 | 3.045.837.845 |
| Các khoản khác | 12.990.528.417 | 13.385.699.970 |
| Cộng | 39.520.344.942 | 38.598.709.415 |

6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 132.111.701.275 | 150.942.021.365 |
| Chi phí nhân công | 105.350.886.491 | 102.942.019.160 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 25.902.443.296 | 23.391.812.567 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 15.540.513.177 | 12.924.240.982 |
| Chi phí khác bằng tiền | 30.514.421.855 | 30.300.090.285 |
| Cộng | 309.419.966.094 | 320.500.184.359 |

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 1.121.982.111 | 1.065.364.462 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | - | 36.843.000 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1.121.982.111 | 1.102.207.462 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.10. Lãi trên cổ phiếu

| | Đơn vị tính | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------|----------------------|------------------------|
| | | VND | (Trình bày lại) VND |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | VND | 4.105.866.078 | 4.107.961.371 |
| Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*) | VND | - | 1.957.229.800 |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | VND | 4.105.866.078 | 2.150.731.571 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm | Cổ phần | 3.279.797 | 3.279.797 |
| Lãi trên cổ phiếu + Lãi cơ bản | VND/Cổ phần | 1.252 | 656 |

(*) Công ty chưa ước tính Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Do đó, việc tính lãi trên cổ phiếu năm nay chưa bao gồm ảnh hưởng của việc Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Chỉ tiêu này có thể thay đổi khi phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua.

Số liệu so sánh năm 2022 đã được trình bày lại sau khi Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 165.920.840.176 | 115.278.034.567 |
| Cộng | 165.920.840.176 | 115.278.034.567 |

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 136.779.111.298 | 86.000.931.987 |
| Cộng | 136.779.111.298 | 86.000.931.987 |

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.2 Thông tin về các bên liên quan

- a) Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

| TT | Tên bên liên quan | Mối quan hệ |
|----|--|-----------------------------|
| 1 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | Công ty mẹ |
| 2 | Các đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | Cùng Công ty mẹ |
| 3 | Các công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | Cùng Công ty mẹ |
| 4 | Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát | Thành viên quản lý chủ chốt |

- b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

| Họ tên | Chức danh | Lương thưởng, Ban Giám đốc, HĐQT, BKS (VND) | Thù lao của HĐQT và BKS (VND) |
|-----------------------|-------------------------|--|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | - | 35.980.000 |
| Ông Phạm Đăng Phú | Chủ tịch HĐQT | - | 25.700.000 |
| Ông Lương Văn Hiểu | Ủy viên HĐQT | 367.920.000 | - |
| Ông Vũ Mạnh Dũng | Giám đốc - Ủy viên HĐQT | 414.960.000 | 52.560.000 |
| Ông Hoàng Minh Sơn | Phó Giám đốc | 367.920.000 | - |
| Ông Nguyễn Như Nga | Phó Giám đốc | 275.940.000 | - |
| Ông Phạm Xuân Phong | Trưởng Ban kiểm soát | - | 54.960.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc Thành | Ủy viên Ban kiểm soát | - | 47.304.000 |
| Bà Trần Thị Thúy | Ủy viên Ban kiểm soát | - | 47.304.000 |
| Tổng cộng | | 1.426.740.000 | 263.808.000 |

- b) Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác

Số dư vào ngày 31/12/2023 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm kế toán kết thúc cùng ngày được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 02: Báo cáo dịch vụ vận chuyển bán nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

8.3 Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý do trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ và chỉ phát sinh tại thị trường trong nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Phan Thị Dung

Kế toán trưởng

Đỗ Thanh Tùng

Giám đốc



Vũ Mạnh Dũng

==
-02
/TY
+ ĐÁI
C'N
IÁP
ANI
I.P
==

BÁO CÁO VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Đơn vị: VND

| TT | Tên đơn vị | Giá trị mua trong năm |
|------------------|--|-----------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin | 12.903.000 |
| 2 | Công ty Than Thống Nhất - TKV | 177.589.853 |
| 3 | Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - XN Vật tư Cẩm Phả | 38.160.527.936 |
| 4 | Công ty Than Quang Hanh - TKV | 5.337.977.068 |
| 5 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 758.169.121 |
| 6 | Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 31.680.000 |
| 7 | Trường Quản trị Kinh doanh - Vinacomin | 266.534.500 |
| 8 | Bệnh viện Than - Khoáng sản | 156.885.775 |
| 9 | Công ty Cổ Phần Than Núi Béo - Vinacomin | 82.019.078 |
| 10 | Công ty Than Hạ Long - TKV | 10.652.876 |
| 11 | Viện khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin | 246.976.711 |
| 12 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | 298.676.421 |
| 13 | Công ty Kinh doanh than Nghệ Tĩnh | 150.480.000 |
| 14 | Công ty Cổ phần Than Cao Sơn | 3.200.239.900 |
| 15 | Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam | 47.000.000 |
| 16 | Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin - XN Thiết kế Than Hòn Gai | 174.691.080 |
| Tổng cộng | | 49.113.003.319 |

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ NHUNG

ĐỖ THANH TÙNG

VŨ MẠNH DŨNG

BÁO CÁO DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Đơn vị: VND

| TT | Tên đơn vị mua | Doanh thu |
|----|--|------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin | 11.589.592.592 |
| 2 | Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin | 11.772.347.852 |
| 3 | Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV | 33.493.948.841 |
| 3 | Công ty Than Thống Nhất -TKV | 789.060.736 |
| 4 | Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin | 22.883.727.000 |
| 5 | Công ty Than Khe Chàm - TKV | 20.665.087.750 |
| 6 | Công ty Than Dương Huy - TKV | 31.385.794.791 |
| 7 | Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin | 1.405.313.752 |
| 8 | Công ty Than Quang Hanh -TKV | 6.288.594.318 |
| 9 | Công ty Cổ phần Vật tư - TKV | 624.852.235 |
| 10 | Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin | 5.584.874.660 |
| 11 | Công ty Xây lắp mỏ - TKV | 9.617.090.652 |
| 12 | Công ty Than Hạ Long -TKV | 35.013.620.991 |
| 13 | Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin | 3.821.175.142 |
| 14 | Công ty Than Nam Mẫu - TKV | 31.376.449.693 |
| 15 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 686.295.000 |
| 16 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | 1.026.901.000 |
| 17 | Công ty Than Uông Bí - TKV | 28.432.300.000 |
| 18 | Công ty Than Mạo Khê - TKV | 2.225.828.297 |
| 19 | Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV | 2.935.844.619 |
| 20 | Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin | 11.512.384.791 |
| 21 | Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 20.455.934.500 |
| 22 | Công ty Than Hòn Gai - TKV | 5.477.884.000 |
| 23 | Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin | 13.243.207.959 |
| 24 | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin | 2.874.477.960 |
| 25 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | 220.702.681 |
| 26 | Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Cẩm phả -Vinacomin | 7.379.556.860 |
| 27 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin | 3.100.000 |
| | Tổng cộng | 322.785.948.672 |

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hau

LÂM THỊ HẬU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



VŨ MẠNH DŨNG

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Đơn vị: VND

| STT | Tên đơn vị | Các khoản công nợ | | | |
|-----------|---|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | | 131 | | 331 | |
| | | Ngắn hạn | Dài hạn | Ngắn hạn | Dài hạn |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| I | CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU | 27.563.721.816 | - | - | - |
| 1 | Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin | 1.078.959.506 | | | |
| 2 | Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin | 1.082.578.162 | | | |
| 3 | Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV | 665.912.767 | | | |
| 4 | Công ty Than Thống Nhất - TKV | 14.484.928 | | | |
| 5 | Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin | 2.192.423.617 | | | |
| 6 | Công ty Than Khe Chàm - TKV | 970.070.216 | | | |
| 7 | Công ty Than Dương Huy - TKV | 716.324.165 | | | |
| 8 | Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin | 775.732.498 | | | |
| 9 | Công ty Than Quang Hanh -TKV | 397.598.059 | | | |
| 10 | Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin | 1.103.328.940 | | | |
| 11 | Công ty Xây lắp mỏ - TKV | 2.433.972.884 | | | |
| 12 | Công ty Than Hạ Long -TKV | 1.465.195.148 | | | |
| 13 | Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin | 195.084.929 | | | |
| 14 | Công ty Than Nam Mẫu - TKV | 3.058.656.669 | | | |
| 15 | Công ty Than Ưông Bí - TKV | 2.233.151.392 | | | |
| 16 | Công ty Than Mạo Khê - TKV | 209.251.080 | | | |
| 17 | Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV | 321.357.538 | | | |
| 18 | Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin | 4.354.098.329 | | | |
| 19 | Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin | 1.906.930.502 | | | |
| 20 | Công ty Than Hòn Gai - TKV | 397.992.400 | | | |
| 21 | Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin | 1.480.750.799 | | | |
| 22 | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin | 297.137.835 | | | |
| 23 | Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin | 212.729.453 | | | |
| II | CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ | - | - | 3.392.094.399 | - |
| 1 | Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả | | | 2.802.508.944 | |
| 2 | Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV | | | 47.764.169 | |
| 3 | Bệnh viện than - Khoáng sản | | | 55.886.474 | |
| 4 | Trường Quản trị Kinh doanh - Vinacomin | | | 1.922.000 | |
| 5 | Trường cao đẳng than Khoáng sản Việt Nam | | | 28.328.000 | |
| 6 | Viện khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin | | | 246.976.711 | |
| 7 | Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin | | | 208.708.101 | |

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC









NGUYỄN THỊ NHUNG

ĐỖ THANH TÙNG

VŨ MẠNH DŨNG